



Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex;

Căn cứ danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán (thực hiện quyền bỏ phiếu) số: V334/2025-PCC/VSDC-ĐK ngày 24/3/2025 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp, Giấy đăng ký tham dự họp hoặc uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của các cổ đông.

Hôm nay, ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại Tòa nhà văn phòng Công ty TNHH Bê tông & xây lắp Petrolimex, Km17, QL39, Thôn Lôi Cầu, Xã Việt Hòa, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên.

Chúng tôi gồm có:

- Ông Trần Văn Tiên - Trưởng ban
- Ông Nguyễn Hà Nam - Uỷ viên

Được Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex giao nhiệm vụ kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông về dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông về dự đại hội, kết quả kiểm tra như sau:

1. Tổng số cổ đông của Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex tại thời điểm ngày 20/3/2025 theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán (thực hiện quyền bỏ phiếu) số: V334/2025-PCC/VSDC-ĐK ngày 24/3/2025 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp là: **316 cổ đông**, sở hữu **11.500.000 cổ phần**, trong đó:

1.1. Cổ đông pháp nhân gồm 02 cổ đông:

- Tổng công ty xây lắp và thương mại Petrolimex sở hữu : 3.450.202 CP
- Tổng Cty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex sở hữu : 1.150.066 CP

1.2. Cổ đông thể nhân gồm 314 cổ đông sở hữu : 6.899.732 CP

2. Tổng số cổ đông, đại diện cổ đông có mặt dự họp là: **44 người**, sở hữu **11.454.985 cổ phần**, trong đó:

- Đại diện cổ đông Tổng công ty xây lắp và thương mại Petrolimex (chiếm 30% vốn điều lệ) sở hữu 3.450.202 cổ phần là 02 người.

- Đại diện cổ đông Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (chiếm 10% vốn điều lệ) sở hữu 1.150.066 cổ phần là 01 người.

- Cổ đông thể nhân và đại diện cổ đông là **44** người.

3. Tất cả **44** cổ đông có mặt đều đủ tư cách tham dự đại hội (có danh sách cổ đông tham dự đại hội đính kèm).

4. Tất cả **44** cổ đông có mặt đại diện cho **11.454.985 cổ phần** chiếm **99.6%**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty CP Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex đủ điều kiện để tiến hành.

TRƯỞNG BAN



Trần Văn Tiên





Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

BIÊN BẢN BẦU CỬ
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2025-2030

Hôm nay, ngày 28/4/2025 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex đã tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030. Được sự nhất trí và đề cử của Đại hội, Ban ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử gồm có:

- | | |
|-----------------------|------------|
| 1. Ông Lương Tuấn Anh | Trưởng ban |
| 2. Ông Doãn Anh Việt | Thành viên |
| 3. Bà Lê Thị Minh Huệ | Thành viên |

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex và Thể lệ bầu cử, Ban bầu cử tiến hành tổ chức bầu cử, nội dung như sau:

I. SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG

- Tổng số cổ đông có trong danh sách cổ đông của Công ty đến ngày 20/3/2025 là 316 cổ đông sở hữu 11.500.000 cổ phần.
- Số cổ đông có mặt chính thức tại Đại hội: 44 cổ đông/đại diện cổ đông, sở hữu 11.454.985 CP.
- Số cổ đông chính thức tham gia bỏ phiếu bầu cử: 44 cổ đông/đại diện cổ đông, sở hữu 11.454.985 CP.

II. QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI

- Số lượng bầu thành viên Hội đồng quản trị : 07 người
- Số lượng người đề cử và ứng cử để Đại hội bầu gồm: 08 người
Trong đó : - Danh sách ứng cử : Không
- Danh sách đề cử : 08 người

Gồm các ông/bà có tên sau:

TT	Họ và tên	Đại diện cổ đông pháp nhân hoặc nhóm cổ đông
1	Phạm Minh Tâm	Đại diện nhóm cổ đông
2	Phạm Thành Công	Đại diện nhóm cổ đông
3	Đào Trọng Chiêu	Đại diện nhóm cổ đông
4	Lê Huy Thành	Đại diện nhóm cổ đông
5	Vũ Duy Hải	Đại diện cổ đông pháp nhân
6	Phùng Ngọc Quang	Đại diện cổ đông pháp nhân
7	Trần Văn Kha	Đại diện cổ đông pháp nhân
8	Nguyễn Ngọc Toàn	Đại diện cổ đông pháp nhân

III. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU

TT	Nội dung	Số phiếu	Số CP	Tỷ lệ
1	Tổng số phiếu phát ra	44	11.454.985	100%
2	Số phiếu thu về	44	11.454.985	100%
3	Số phiếu hợp lệ	43	11.443.485	99,9%
4	Số phiếu không hợp lệ	1	11.500	0,1%
5	Kết quả bầu cử			
	Phạm Minh Tâm		11.594.997	101,2%
	Phạm Thành Công		10.440.577	91,1%
	Đào Trọng Chiêu		9.995.007	87,3%
	Lê Huy Thành		9.999.575	87,3%
	Vũ Duy Hải		10.868.136	94,9%
	Phùng Ngọc Quang		10.868.136	94,9%
	Trần Văn Kha		8.287.505	72,3%
	Nguyễn Ngọc Toàn		8.050.462	70,3%

Căn cứ Khoản 3 điều 148 Luật doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex, các ông dưới đây đã trúng cử vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex nhiệm kỳ 2025-2030 kể từ ngày 28/4/2025.

- 1 Phạm Minh Tâm
- 2 Phạm Thành Công
- 3 Đào Trọng Chiêu
- 4 Lê Huy Thành
- 5 Vũ Duy Hải
- 6 Phùng Ngọc Quang
- 7 Trần Văn Kha



Biên bản được thông qua Đại hội vào 13h00 ngày 28 tháng 4 năm 2025, các cổ đông tham dự đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết 90% đồng ý nội dung biên bản.

TM CHỦ TỊCH ĐOÀN
Chủ tọa



Phạm Minh Tâm

TM BAN BẦU CỬ
Trưởng ban

Lương Tuấn Anh



Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

BIÊN BẢN BẦU CỬ
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BKS NHIỆM KỲ 2025-2030

Hôm nay, ngày 28/4/2025 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Tập đoàn xây lập 1 - Petrolimex đã tiến hành bầu kiểm soát viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030. Được sự nhất trí và đề cử của Đại hội, Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử gồm có:

- | | |
|-----------------------|------------|
| 1. Ông Lương Tuấn Anh | Trưởng ban |
| 2. Ông Doãn Anh Việt | Thành viên |
| 3. Bà Lê Thị Minh Huệ | Thành viên |

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn xây lập 1 - Petrolimex và Thể lệ bầu cử, Ban bầu cử tiến hành tổ chức bầu cử, nội dung như sau:

I. SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG

- Tổng số cổ đông có trong danh sách cổ đông của Công ty đến ngày 20/3/2025 là 316 cổ đông sở hữu 11.500.000 cổ phần.
- Số cổ đông có mặt chính thức tại Đại hội: 44 cổ đông/đại diện cổ đông, sở hữu 11.454.985 CP.
- Số cổ đông chính thức tham gia bỏ phiếu bầu cử: 44 cổ đông/đại diện cổ đông, sở hữu 11.454.985 CP.

II. QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI

- Số lượng bầu Kiểm soát viên Ban kiểm soát : 03 người
- Số lượng người đề cử và ứng cử để Đại hội bầu gồm : 03 người
Trong đó : - Danh sách ứng cử : Không
- Danh sách đề cử : 03 người

Gồm các ông/bà có tên sau:

TT	Họ và tên	Đại diện cổ đông pháp nhân hoặc nhóm cổ đông
1	Đình Viết Tiến	Đại diện nhóm cổ đông
2	Nguyễn Hà Nam	Đại diện nhóm cổ đông
3	Nguyễn Hương Ly	Đại diện cổ đông pháp nhân

III. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU

TT	Nội dung	Số phiếu	Số CP	Tỷ lệ
1	Tổng số phiếu phát ra	44	11.454.985	100%
2	Số phiếu thu về	44	11.454.985	100%
3	Số phiếu hợp lệ	44	11.454.985	100%

TT	Nội dung	Số phiếu	Số CP	Tỷ lệ
5	Kết quả bầu cử			
5.1	Đinh Viết Tiến		10.251.327	89,5%
5.2	Nguyễn Hà Nam		9.462.415	82,6%
5.3	Nguyễn Hương Ly		14.651.213	127,9%

Căn cứ Khoản 3 điều 148 Luật doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex, các ông/bà dưới đây đã trúng cử vào BKS Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex nhiệm kỳ 2025-2030 kể từ ngày 28/4/2025.

- 1 Đinh Viết Tiến
- 2 Nguyễn Hà Nam
- 3 Nguyễn Hương Ly

Biên bản được thông qua Đại hội vào 13h00 ngày 28 tháng 4 năm 2025, các cổ đông tham dự đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết 90% đồng ý nội dung biên bản.

TM CHỦ TỊCH ĐOÀN
Chủ tọa



Phạm Minh Tâm

TM BAN BẦU CỬ
Trưởng ban

Lương Tuấn Anh



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN XÂY LẮP 1 - PETROLIMEX**



TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Hưng Yên, Ngày 28 tháng 4 năm 2025



MỤC LỤC TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẮP 1 - PETROLIMEX

Ngày 28 tháng 4 năm 2025

- 1 - CHƯƠNG TRÌNH ĐHĐCĐ 2025**
- 2 - THẺ LỆ BIỂU QUYẾT ĐHĐCĐ 2025**
- 3 - BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024, ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025**
- 4 - BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025**
- 5 - BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2024**
- 6 - TỜ TRÌNH LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2025**
- 7 - TỜ TRÌNH PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2024**
- 8 - BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THỦ LAO HĐQT, BKS NĂM 2024**
- 9 - TỜ TRÌNH PHƯƠNG ÁN TRẢ LƯƠNG, THỦ LAO HĐQT, BKS NĂM 2025**
- 10 - BẦU CỬ HĐQT, BKS NHIỆM KỲ 2025-2030**
- 11 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2024 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**
- 12 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NĂM 2024 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**
- 13 - DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**
- 14 - DỰ THẢO BIÊN BẢN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**



**1. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI
2. THẺ LỆ BIỂU QUYẾT**

Hung Yên, Ngày 28 tháng 4 năm 2025



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẮP 1 - PETROLIMEX
Ngày 28 tháng 4 năm 2025

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
	I. Thủ tục khai mạc Đại hội đồng cổ đông	
08h30	* Đón khách và kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông	
	- Đón tiếp các Đại biểu mời - Đón tiếp, kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông / Đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCĐ - Phát tài liệu cho cổ đông	Ban tổ chức
09h00	* Khai mạc Đại hội	
	- Khai mạc đại hội, giới thiệu Đại biểu	Ban tổ chức
	- Báo cáo kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông / Đại diện cổ đông	
	- Giới thiệu Chủ tọa đại hội - Mời Chủ tọa điều hành phiên họp	Ban tổ chức
	- Chủ tọa Đại hội giới thiệu Đoàn Chủ tịch - Chủ tọa Đại hội giới thiệu Thư ký	Đoàn Chủ tọa
	- Thông qua chương trình Đại hội - Thể lệ biểu quyết - Thông qua Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử	Đoàn Chủ tọa
09h30	II. Các nội dung ĐHĐCĐ thảo luận, biểu quyết thông qua	
	1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và định hướng kế hoạch SXKD năm 2025	Ông Phạm Minh Tâm - Chủ tịch HĐQT
	2. Báo cáo Tổng giám đốc về kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch năm 2025	Ông Trần Công Hữu - TV HĐQT, TGĐ
	3. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 4. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2025	Ông Đinh Viết Tiến - Trưởng BKS
	5. Báo cáo tài chính hợp nhất + BCTC riêng năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán và Tờ trình	Ông Phạm Thành Công - UVHĐQT

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
	phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 6. Báo cáo Quyết toán trả lương, thù lao của các thành viên HĐQT, BKS năm 2024 7. Tờ trình Phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2025	
	8. Chủ tọa điều hành Đại hội thảo luận và xin ý kiến biểu quyết của cổ đông về các nội dung được trình bày tại Đại hội	Ông Phạm Minh Tâm - Chủ tịch HĐQT
	9. Bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030	Đoàn Chủ tọa
	III. Kết thúc đại hội	
11h15	- Trình bày Biên bản và Nghị quyết đại hội	Thư ký đại hội
11h40	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội	Đoàn Chủ tọa
11h50	- Bế mạc Đại hội	Ban tổ chức



Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex.

Việc biểu quyết, kiểm phiếu biểu quyết để thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Nghị quyết theo các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex (ĐHĐCĐ) được tiến hành theo thẻ lệ sau đây:

I. HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT:

1. Cổ đông và Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex bằng hình thức sử dụng **Phiếu biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ**.

2. Phiếu biểu quyết là phiếu in sẵn theo mẫu của Ban tổ chức, có đóng dấu Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex, được phát cho Cổ đông/Đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội. Trong Phiếu có các thông tin Cổ đông/Đại diện cổ đông, số điểm của Cổ đông/Đại diện cổ đông tham dự Đại hội.

3. Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Với mỗi vấn đề cần giải quyết tại ĐHĐCĐ, Đoàn Chủ tịch Đại hội sẽ đề nghị thực hiện biểu quyết 03 lần theo trình tự sau:

- Lần thứ nhất : Biểu quyết tán thành
- Lần thứ hai : Biểu quyết không tán thành
- Lần thứ ba : Biểu quyết không có ý kiến

Mỗi Cổ đông / Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần ("**Tán thành**" hoặc "**Không tán thành**" hoặc "**Không có ý kiến**") đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4. Việc xác định tỷ lệ biểu quyết mỗi vấn đề tại ĐHĐCĐ thực hiện theo hình thức tính điểm:

- Một (01) cổ phần khi tham gia biểu quyết được tính bằng 01 điểm.
- Tổng số Vốn điều lệ Công ty tại thời điểm tổ chức Đại hội là **115.000.000.000 VNĐ**, được chia thành **11.500.000** (Mười một triệu, năm trăm nghìn) cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết tương ứng với **11.500.000** (Mười một triệu, năm trăm nghìn) điểm. Số điểm của một Cổ đông / Đại diện cổ đông tương ứng với số cổ phần đang sở hữu hoặc được ủy quyền đại diện khi dự họp và biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ.

II. NGUYÊN TẮC THÔNG QUA:

Các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội được thông qua căn cứ vào điều 21 Điều lệ Công ty.

Trên đây là thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex. Kính trình Đại hội thông qua.

BAN TỔ CHỨC

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX**



**3. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hưng Yên, Ngày 28 tháng 4 năm 2025



Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2020-2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ NĂM 2025 NHIỆM KỲ 2025-2030**

Kính thưa các Quý vị Cổ đông!

Kính thưa các Quý vị đại biểu!

Thực hiện chức năng của Hội đồng quản trị quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex, thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT), tôi xin trình bày báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024, nhiệm kỳ 2020÷2024 và định hướng của HĐQT nhiệm kỳ 2025÷2030 như sau:

I. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024

1. Đánh giá hoạt động của HĐQT

Với vai trò là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, năm 2024 HĐQT với 07 thành viên đã nêu cao tinh thần trách nhiệm chỉ đạo Ban điều hành của PCC-1 Group chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, các chỉ tiêu của Đại hội đồng đề ra, thẩm định và phê duyệt các Dự án đầu tư phát triển cơ sở vật chất, kỹ thuật, đổi mới thiết bị công nghệ, các vấn đề nhân sự, việc sử dụng và quản lý của Công ty theo thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT và cụ thể là Chủ tịch HĐQT đã thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Ban điều hành thực hiện các nghị quyết của HĐQT, chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành kịp thời có các giải pháp phù hợp, điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các yêu cầu quản lý trong công tác SXKD, công tác đầu tư, công tác tài chính kế toán để quản lý doanh nghiệp.

Chủ tịch HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát PCC-1 Group để tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý, chỉ đạo PCC-1 Group thực hiện các mục tiêu của ĐHCĐ đề ra, tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Chuẩn bị đại hội cổ đông, xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 để trình ĐHCĐ phê duyệt.

Chủ tịch HĐQT đã tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ, lấy ý kiến các thành viên của HĐQT bằng văn bản để ban hành các nghị quyết, quyết định phê duyệt theo thẩm quyền của HĐQT. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ Nghị quyết của đại hội cổ đông, nghị quyết

của HĐQT đảm bảo cho Công ty phát triển đúng định hướng và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà đại hội cổ đông đã thông qua.

Trong năm 2024 HĐQT đã tổ chức họp, lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản và ban hành 28 nghị quyết để phục vụ kế hoạch sản xuất của Công ty mẹ PCC-1 Group và các Công ty con: TPS, PCC-1 Hà Nội, PCC-1 Sài Gòn, QW, PNT. Các nghị quyết của HĐQT phê duyệt đã phục vụ kịp thời các đề nghị, yêu cầu của SXKD trong năm kế hoạch.

2. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2024 đã được đại hội cổ đông thường niên năm 2024 thông qua:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2023	KH 2024	TH 2024	Tỷ lệ TH24/ KH24 (%)
1	Doanh thu và TN khác	Tr đ	908.587	1.100.000	1.195.271	109
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr đ	19.496	25.000	26.481	106
3	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	15	15	15	100
4	Đầu tư	Tr đ	22.145	524.700	74.150	14

Các chỉ tiêu tài chính được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

Doanh thu năm 2024 đạt 1.195.271 triệu đồng đạt 109% kế hoạch đề ra, bằng 131% thực hiện năm 2023.

Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 35.374 triệu đồng đạt 118% kế hoạch đề ra bằng 130% thực hiện năm 2023.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 26.481 triệu đồng đạt 106% kế hoạch bằng 130% thực hiện năm 2023.

Tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông dự kiến chia 15%.

Đầu tư năm 2024 Công ty chủ yếu tập trung cho Công ty bê tông: Nâng cấp trạm trộn, đầu tư thêm trạm trộn cho nhà máy cọc số 1 và đầu tư cho nhà máy cọc số 2 dự toán khoảng 145 tỷ. Năm 2024 đã thực hiện 26 tỷ, còn lại thực hiện sang kế hoạch năm 2025 và đến nay sau 6 tháng đầu tư xây lắp, mua sắm thiết bị cho nhà máy đã cơ bản xong, tháng 5/2025 nhà máy sẽ đưa vào hoạt động sản xuất.

Nếu tình hình kinh doanh thuận lợi sau 5 ÷ 6 năm nhà máy bê tông cọc dự ứng lực số 2 cũng trả hết lãi vay và mang lại tài sản cố định cho Công ty, cho cổ đông cũng như nhà máy số 1.

Mảng kinh doanh bê tông thương phẩm Chủ tịch HĐQT đã chỉ đạo cho Công ty bê tông hợp đồng với Công ty bồn bể và kết cấu thép chế tạo sẵn các trạm bê tông thương phẩm và lắp đặt ngay khi Công ty Bê tông tìm được đất tại

các vị trí mới để nâng cao doanh thu về bê tông thương phẩm trong năm 2025 và các năm tới, tiến tới mục tiêu doanh thu bê tông của năm 2025 ÷ 2026 đạt từ 650 tỷ ÷ 800 tỷ/năm.

Trong năm 2024, Chủ tịch HĐQT và HĐQT đã thay mặt Đại hội đồng cổ đông bám sát tình hình thực tế, phân tích các khó khăn và thuận lợi ở Công ty mẹ PCC-1 Group và các Công ty con để đề ra các giải pháp kinh doanh phù hợp, tháo gỡ các khó khăn cho Ban điều hành.

II. Phân đánh giá phân tích các hoạt động SXKD của PCC-1 Group

1. Phân tích việc SXKD của Công ty bê tông (PCC)

Năm 2023, đầu năm 2024 tình hình đầu tư các dự án công nghiệp trong cả nước phát triển rất mạnh mẽ, nhất là khu vực các tỉnh phía Bắc như: Hưng Yên, Hải Dương, Hà Tây, Hải Phòng... nhu cầu cọc bê tông dự ứng lực thị trường tăng cao, các nhà máy cọc bê tông DU'L phía Bắc đều cháy cọc trong suốt năm 2023. Năm 2024 nhà máy cọc của Công ty PCC làm 2 ca từ 7h sáng đến 2h sáng chỉ đáp ứng được 40% nhu cầu khách hàng.

Đứng trước tình hình thuận lợi đó Hội đồng thành viên Công ty Bê tông đã có văn bản đề nghị HĐQT PCC-1 Group về việc thống nhất cho Công ty Bê tông đầu tư nhà máy cọc thứ 2 với dây chuyền được nâng cấp hiện đại hơn nhà máy 1. HĐQT PCC-1 Group đã ra nghị quyết thống nhất với đề nghị của HĐQT PCC, qua gần 6 tháng thi công, mua sắm, lắp đặt thiết bị với sự chỉ đạo quyết liệt của Chủ tịch HĐQT PCC-1 Group, sự cố gắng nỗ lực của Ban Giám đốc Công ty bê tông và các Phòng ban Công ty Bê tông nhà máy số 2 đã cơ bản hoàn thành và đi vào sản xuất đầu tháng 5/2024. Nhà máy số 2 đi vào sản xuất sẽ góp phần vào doanh thu cho Công ty bê tông 200÷250 tỷ/năm. Việc đầu tư với tiến độ quyết liệt nhà máy bê tông cọc thứ 2 là sự quyết định đúng đắn của HĐQT PCC-1 Group và là sự cố gắng quyết tâm cao độ của Hội đồng thành viên và Ban điều hành của Công ty bê tông, nó củng cố thêm năng lực cho sự phát triển bền vững của PCC-1 Group, làm đà cho sự phát triển nhanh chóng của PCC nói riêng và PCC-1 Group nói chung. Mặc dù không có sự góp tăng vốn của các Quý vị cổ đông, nhưng Công ty Bê tông đã vượt qua nhiều khó khăn về vốn để SXKD mang lợi nhuận đóng góp cho PCC-1 Group đã tự đầu tư phát triển bằng vốn tự có và vốn vay. Nếu tình hình kinh doanh thuận lợi sau 5÷6 năm sản xuất và khấu hao nhà máy mang lại giá trị 60÷70 tỷ tiền vốn cho các cổ đông của Công ty.

2. Phân tích việc SXKD của Công ty mẹ

Công ty mẹ với công việc truyền thống là xây dựng các công trình về xăng dầu, lọc hóa dầu, các công trình công nghiệp. Năm 2024 công việc của PCC-1 Group thuận lợi là đấu thầu thuận lợi nhận được nhiều công trình từ Bộ Quốc phòng nên vốn liếng có nhiều thuận lợi, máy móc thiết bị đã được đầu tư từ các năm trước được phát huy triệt để. Tuy nhiên nhân lực Công ty mẹ cả gián tiếp và

trực tiếp bị giảm sút từ các năm chưa được bổ sung được nhiều nên công việc còn phải thuê thầu phụ nhiều. Do đó ảnh hưởng tới lợi nhuận của công ty mẹ. Đây là bài toán cho Công ty mẹ phải có kế hoạch quyết liệt cho việc bổ sung nguồn nhân lực đang thiếu hụt.

Công ty con PCC1 - TPS công việc đem lại cho CBCNV nhiều nhưng việc phát huy hiệu quả của máy móc đã đầu tư, năng suất lao động còn ở mức trung bình cần phải có các giải pháp khoán quản phù hợp để nâng cao hiệu quả.

Công ty Gỗ nhựa: Việc phát triển thị trường chưa tốt cần bổ sung thêm cán bộ - bộ phận kinh doanh Marketing.

3. Về các Dự án đầu tư

3.1. Dự án Cổ Bi: đang được PCC-1 Group và đối tác triển khai công tác xây dựng nhà ở thấp tầng và chung cư, hoàn thiện các thủ tục dự án. Năm 2024 Sở xây dựng TP Hà Nội cấp phép xây dựng công trình chung cư hỗn hợp và nhà ở thấp tầng. Hiện dự án đã được cấp phép đủ điều kiện đưa vào kinh doanh.

3.2. Dự án Nhà ở xã hội tại khu đất 10.486m² tại Thượng Thanh, Quận Long Biên: Công ty đang triển khai các thủ tục pháp lý đầu tư xây dựng dự án, hiện các thủ tục có gián đoạn do thời gian qua thành phố Hà Nội tổ chức sắp xếp lại cấp chính quyền, sát nhập các sở ban ngành nên có ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. UBND thành phố đã có văn bản giao các sở ban ngành xem xét.

4. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty PCC-1 Group

Năm 2024 tình hình kinh doanh của PCC-1 Group có nhiều thuận lợi trong việc nhận thầu các Dự án xây lắp của Công ty mẹ. Các dự án tập trung ở các công trình xây dựng, các kho xăng dầu của Tổng cục hậu cần, Bộ tư lệnh hải quân thuộc Bộ quốc phòng... Tiền vốn giải ngân của các công trình thuận lợi, Chủ tịch HĐQT đã đề ra các chiến lược kinh doanh, giải pháp cụ thể đối với Ban điều hành. Ngoài các việc đã thực hiện được thì Ban điều hành cần có những giải pháp cụ thể hơn nữa trong công tác chỉ đạo SXKD. Tháng 4/2025 HĐQT đã có quyết định bổ sung thêm 01 Phó Tổng giám đốc có kinh nghiệm thực tế cho PCC-1 Group.

Đối với việc giám sát công tác điều hành tại Công ty PCC: công việc kinh doanh sản xuất bê tông cọc dự ứng lực và bê tông thương phẩm thị trường có nhiều thuận lợi Ban lãnh đạo PCC đã có nhiều nỗ lực trong công tác điều hành do đó lợi nhuận của Công ty bê tông góp phần chủ đạo trong lợi nhuận gộp của PCC-1 Group.

Đối với Công ty Gỗ nhựa PCC-1: năm 2024 đã tiếp cận với đơn vị tư vấn để có thể xuất khẩu hàng cửa gỗ ra nước ngoài và tạo ra bước phát triển mới của Công ty.

Đối với mảng kinh doanh gỗ nhựa, Bãi đỗ xe tự động Ban điều hành Công ty cần phải bổ sung gấp các cán bộ có năng lực tốt trong điều hành và kinh doanh bán hàng.

5. Tổng hợp việc giám sát một số chỉ tiêu SXKD của Ban điều hành trong nhiệm kỳ 2020-2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2020	TH 2021	TH 2022	TH 2023	TH 2024
1	Doanh thu và TN khác	Tr đ	756.961	632.965	774.992	908.587	1.195.271
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr đ	17.453	12.403	13.228	19.496	26.481
3	Tỷ lệ cổ tức	%	10	10	10	15	15

II. Dự kiến Kế hoạch SXKD năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025
1	Giá trị sản lượng	Tr. đ	1.243.000	1.437.000
2	Doanh thu và thu nhập khác	Tr. đ	1.195.271	1.250.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	35.374	36.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	26.481	28.500
4	Tỷ lệ trả cổ tức	%	15	15
5	Đầu tư	Tr. đ	74.150	150.000

Dự kiến giá trị đầu tư năm 2025 là: 150 tỷ đồng gồm

Máy móc, thiết bị : 30.000 tr đồng

Đầu tư nhà máy : 120.000 tr đồng

Dự kiến giá trị sản lượng năm 2025 : 1.437.000 tr đồng

PCC-1 Group : 700.000 tr đồng

Công ty Bê tông : 600.000 tr đồng

Công ty PCC-1 Hà Nội : 10.000 tr đồng

Công ty PCC-1 Sài Gòn : 35.000 tr đồng

Công ty PCC-1 TPS : 27.000 tr đồng

Công ty Gỗ nhựa PCC-1 : 50.000 tr đồng

Công ty PNT : 15.000 tr đồng

III. Dự kiến chiến lược SXKD trong nhiệm kỳ 2025-2030 Công ty CP Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex:

Sau khi cổ phần hóa PCC-1 Group đã có chiến lược công xưởng hóa xây lắp để phát triển bền vững trong kinh doanh xây lắp các công trình về xây lắp xăng dầu, hóa lọc dầu. Sau giai đoạn 2001÷2009, từ 2009÷2024 PCC-1 đã từng bước mở rộng kinh doanh sang đa ngành sản xuất. Đó là xây dựng các nhà máy

cơ khí, nhà máy bê tông cọc dự ứng lực, bê tông thương phẩm và nhà máy gỗ nhựa Composite, xây dựng hệ thống đỗ xe tự động.

1. Đối với PCC-1 Group

1.1. Khi có năng lực tiền vốn từ dự án Cổ Bi, công ty tiếp tục đầu tư dự án nhà ở xã hội tại Thượng Thanh và đầu tư thêm một số nhà máy cọc bê tông DUL khi nhu cầu thị trường đang cần.

1.2. Về ngành nghề SXKD xây lắp chuyên ngành ngay trong năm 2025 HĐQT sẽ chỉ đạo Ban điều hành tập trung đổi mới công nghệ thi công, đầu tư thêm máy móc thiết bị để tiến tới tất cả các việc thi công bồn bể đều được thi công hàn tự động để mang lại hiệu quả cao cho PCC-1 Group.

1.3. củng cố, đào tạo lại và bổ sung lực lượng cán bộ kỹ sư có năng lực chất lượng cao cho PCC-1 Group để có đủ năng lực tham gia các dự án có giá trị nhận thầu lớn.

1.4. Tiếp tục kế hoạch di dời Nhà máy cơ khí của PCC-1 Group tại Nhà Bè sang thuê nhà xưởng thời gian đầu tại Long Thành - Đồng Nai trong kế hoạch tạm thuê đất để chuyển đổi hoàn thiện nhà máy cơ khí chế tạo bồn bể mới tại Phía Nam.

2. Đối với Công ty PCC

Từ năm 2010÷2024 qua 15 năm đầu tư phát triển Công ty Bê tông và xây lắp Petrolimex đã từng bước SXKD mang lại hiệu quả tốt cho PCC-1 Group. Doanh thu PCC năm 2024 đạt 550 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 20 tỷ đồng. Cả 2 mảng bê tông cọc và bê tông thương phẩm đều phát triển và có hiệu quả tốt. Từ đó chiến lược của PCC-1 Group từ năm 2025 sẽ tiếp tục đầu tư mạnh vào lĩnh vực sản xuất bê tông thương phẩm và bê tông cọc, phát triển bê tông mác siêu cao để có thể tham gia các dự án cầu cạn trong hệ thống đường bộ và đường sắt cao tốc của đất nước đang đầu tư và chuẩn bị đầu tư.

PCC sẽ làm các thủ tục thuê đất để làm thêm nhà máy cọc, phát triển các Trạm trộn bê tông thương phẩm để mang doanh thu của Công ty bê tông lên 1.000 ÷ 2.000 tỷ trong 5 năm tới.

3. Đối với Công ty Gỗ nhựa: Tập trung công tác Marketing để tăng giá trị doanh thu sản lượng trong những năm tới.

4. Đối với Công ty Bãi đỗ xe:

Bổ sung cán bộ kinh doanh, bổ sung thêm công nhân lao động tại nhà máy.

Tập trung công tác Marketing, chủ động tiếp cận nguồn khách hàng để phát triển kinh doanh. Thực hiện quyết liệt công tác hoàn thành dự án, thanh quyết toán để thu hồi công nợ.

Kính thưa các Quý Cổ đông và các Quý vị đại biểu, trên đây là báo cáo việc chỉ đạo thực hiện SXKD năm 2024, nhiệm kỳ 2020÷2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex và một số dự kiến đề ra trong kế hoạch SXKD năm 2025 của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Nhân dịp này thay mặt Hội đồng quản trị cho phép tôi được trân trọng cảm ơn sự ủng hộ của các quý vị cổ đông trong nhiều năm qua đã luôn luôn sát cánh ủng hộ, cổ vũ, động viên chúng tôi để hoàn thành tốt các nhiệm vụ của đại hội đồng cổ đông đề ra, ngoài ra chúng tôi cũng nhận được sự ủng hộ, cổ gắng, đoàn kết nhất trí cao của tập thể người lao động trong công ty để hoàn thành các nhiệm vụ đề ra của HĐQT giao cho Ban điều hành với những kết quả đã đạt được và mọi sự quyết tâm đổi mới tôi tin tưởng rằng PCC-1 Group sẽ tiếp tục đổi mới tập trung sẽ gặp hái được nhiều thành công mang lại việc trả cổ tức cao cho cổ đông cũng như quyền lợi của người lao động được thỏa đáng.

Xin trân trọng cảm ơn hội nghị!

**TM. HĐQT CÔNG TY
CHỦ TỊCH**



Phạm Minh Tâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN XÂY LẮP 1 - PETROLIMEX**



4. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Hưng Yên, Ngày 28 tháng 4 năm 2025



Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)**

Kính thưa Quý vị cổ đông và Quý vị đại biểu!

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua.
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex.
- Căn cứ tình hình thực tế thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024, dự kiến kế hoạch SXKD năm 2025 của Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex và các Công ty con.

Tổng giám đốc điều hành Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex (PCC-1 Group) báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và định hướng kế hoạch SXKD năm 2025 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024

1. Kết quả hoạt động SXKD hợp nhất năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2024	TH năm 2024	Tỷ lệ (%)
1	Giá trị nhận thầu	Tr đồng	1.200.000	1.243.428	104
2	Doanh thu và TN khác	Tr đồng	1.100.000	1.195.271	109
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	30.000	35.374	118
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	25.000	26.481	106
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15	15	100
6	Giá trị đầu tư	Tr đồng	524.700	74.150	14

2. Phân tích đánh giá khái quát về kết quả SXKD năm 2024

Năm 2024 tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, xung đột quân sự tiếp tục leo thang cạnh tranh chiến lược giữa các nước diễn ra ngày càng gay gắt.

Chính sách “Nước Mỹ trên hết” được dự báo sẽ tạo ra căng thẳng thương mại khi Mỹ áp dụng các chính sách thương mại có tính bảo hộ rất cao. Cùng với lập trường cứng rắn đánh thể quan của Mỹ với các nước sản xuất ảnh hưởng lớn đến dòng chảy thương mại và vận chuyển hàng hóa.

Kinh tế Việt Nam không nằm ngoài những khó khăn, thách thức của nền kinh tế thế giới. Khó khăn về lãi suất tăng cao tín dụng siết chặt bao gồm vốn lưu động và vốn đầu tư trung hạn đều gặp khó khăn khi tín dụng ngày càng siết chặt, việc huy động vốn khó khăn, chi phí SXKD tăng một phần lãi suất vay ngân hàng.

Giá nguyên, nhiên liệu đầu vào tăng cao, nhất là giá xăng dầu, nguồn cung vật tư vận chuyển giảm sút. Do chi phí vận chuyển tăng góp phần tăng chi phí sản phẩm.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn SXKD trong năm 2024 nhưng dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT với nhiều giải pháp cụ thể chi tiết, Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty mẹ và các Công ty con vượt lên những khó khăn, thách thức tập trung thực hiện để hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Giá trị sản lượng thực hiện của từng đơn vị:

TT	Diễn giải	Giá trị nhận thầu 2024	Giá trị thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	1.520.468	1.243.428	1.200.000	104%
1	Công ty PCC-1	908.375	646.279	500.000	129%
2	Công ty PCC	495.220	495.220	550.000	90%
3	Công ty PCC1 Sài Gòn	43.617	32.537	30.000	108%
4	Công ty PCC1 TPS	29.486	25.207	25.000	101%
5	Công ty PCC1 Hà Nội	9.961	9.733	15.000	65%
6	Công ty PNT	10.313	10.733	20.000	54%
7	Công ty Gỗ nhựa	23.496	23.719	60.000	40%

3. Giải pháp về sản xuất kinh doanh năm 2024

3.1. PCC-1 Group

- PCC-1 Group thực hiện các dự án xây lắp trong và ngoài ngành. Một số dự án lớn chuyển tiếp từ năm 2024: Kho xăng dầu hải quân vùng 4, kho xăng dầu nhiên liệu bay mở rộng T2 Nội Bài, Hòa Phát Dung Quất,...

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu để ký các hợp đồng với các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp cổ phần, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho người lao động và giữ ổn định trả cổ tức hàng năm cho cổ đông.

- Tăng cường nỗ lực tối đa, quyết liệt trong công tác nghiệm thu thanh quyết toán các công trình để thu hồi vốn. Thực hiện tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác quản lý doanh nghiệp trọng tâm là vai trò quản lý dự án các hợp đồng kinh tế, các phương án khoán quản chi tiết cụ thể và áp dụng tới các Công ty thành viên, Ban quản lý dự án, Đội thi công.

- Tăng cường chỉ đạo cho 02 đơn vị Gỗ nhựa PCC-1 và PNT nâng cao năng lực hoạt động SXKD để góp phần tăng thêm doanh thu sản lượng cho Công ty mẹ.

- PCC-1 Group vẫn tiếp tục đầu tư và nâng cao công nghệ xây lắp để giữ ổn định sản lượng và doanh thu tại các đơn vị xây lắp.

3.2. Công ty TNHH Bê tông và xây lắp Petrolimex (PCC)

- Là Công ty chủ lực trong các Công ty con của PCC-1 Group. Năm 2024 sản lượng bê tông đã thực hiện được 495 tỷ đồng.

- Mở rộng thêm dây chuyền cọc dự ứng lực giai đoạn 2 đầu tư 145 tỷ đồng

- Xây dựng bổ sung thêm trạm trộn để nâng cao giá trị sản lượng và doanh thu cho bê tông thương phẩm.

- Tìm kiếm thị trường, nâng cao giá trị sản lượng về bán bê tông thương phẩm và cọc DUL đem lại doanh thu, năng suất cho công ty.

- Công ty Bê tông cần tiếp tục hoàn thiện quy trình sản xuất, bổ sung nguồn nhân lực quản lý, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và tiếp thị sản phẩm.

- Nghiên cứu chế tạo bê tông định hình ứng dụng trong xây lắp CHXD, dân dụng công nghiệp... đa dạng hóa sản phẩm theo xu thế mới.

- Năm 2024, PCC gặp khó khăn do một số trạm phải tạm dừng hoạt động. Chủ tịch HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty Bê tông đã chỉ đạo quyết liệt để vừa có giá trị sản lượng và an toàn về thu hồi vốn.

3.3. Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn

Một số công trình xây lắp, Công ty mẹ ký hợp đồng giao PCC-1 Sài Gòn thực hiện như: Kho XDHQ Vùng 4, Kho XD K34 và NDTH Petrolimex tại các cửa hàng của Khu vực 2, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Thuận, Phú Khánh (Khánh Hoà, Ninh Thuận, Phú Yên). Ngoài ra, PCC-1 Sài Gòn cũng ký một số hợp đồng với giá trị 4,7 tỷ đồng.

3.4. Công ty TNHH MTV PCC-1 TPS

Công việc của PCC-1 TPS năm 2024 luôn ổn định với nguồn việc của Công ty mẹ, Công ty bê tông và một phần chủ động của TPS, bám sát và phát triển thị trường truyền thống bồn bể, kết cấu thép, đường ống công nghệ, các thiết bị phi tiêu chuẩn...

3.5. Công ty Gỗ nhựa PCC-1

- Mở rộng thị trường, bổ sung nguồn nhân công: làm gỗ nhựa do sự bùng nổ nhiều dự án chung cư, nhà cao tầng; nhân lực về nề, mộc, nội thất. Huy động tăng nguồn vốn lưu động thu mua vật tư để đảm bảo quá trình vận hành thiết bị được liên tục giảm chi phí.

- Bổ sung nhân sự công tác Marketing bán hàng, giám sát thi công, làm công tác nghiệm thu quyết toán công trình, hỗ trợ khách hàng khi họ có nhu cầu và đủ điều kiện làm đại lý phân phối sản phẩm gỗ nhựa.

- Bán hàng online, công nghệ thông tin hỗ trợ quảng bá, facebook, zalo...

- Tiết kiệm chi phí chung, chi phí SXKD, tìm nguồn cung ứng mới với giá thành hợp lý, tiếp tục cải tiến công nghệ để giảm giá thành sản phẩm.

3.6. Công ty PNT

- Đẩy mạnh các kênh Marketing, tiếp cận nguồn khách hàng chủ động và bị động để mở rộng tập khách hàng tìm kiếm nguồn việc, tạo công ăn việc làm nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Đẩy mạnh công tác dịch vụ sau bán hàng, kinh doanh phụ tùng thiết bị, dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng cho các dự án bãi đỗ xe nhằm nâng cao thương hiệu, uy tín của đơn vị.

- Chuẩn hóa thiết kế của các sản phẩm hiện có, nâng cao tính nhận diện thương hiệu của đơn vị, mở rộng phạm vi các sản phẩm công nghệ khác của bãi đỗ xe thông minh, tìm kiếm thêm các nhà cung cấp trong và ngoài nước để tăng khả năng đáp ứng với thị trường và xu hướng mới ở trong nước.

- Xây dựng giải pháp tổng thể về hệ thống bãi đỗ xe thông minh cho khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng việc tư vấn giải pháp và chào giá cho khách hàng một cách hiệu quả và nhanh nhất.

- Thực hiện đào tạo nội bộ, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ về chuyên môn, quản lý cho cán bộ công nhân viên đồng thời tinh gọn bộ máy nhằm nâng cao hiệu suất làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động.

II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

Qua thực tế sản xuất kinh doanh năm 2024, Tổng giám đốc PCC-1 Group đề ra kế hoạch như sau:

1. Các giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025

Rút ra các bài học đạt và chưa đạt năm 2024 để đề ra kế hoạch sản lượng nhận thầu đạt vượt cao hơn trong năm 2025, tập trung đẩy mạnh doanh thu sản lượng của PCC1-Group, đó là:

1.1. PCC-1 Group

- PCC1 sẽ đầu tư nâng cao công nghệ thi công bồn bể bằng máy hàn tự động đứng và ngang, thi công ống công nghệ bằng máy vát mép ống, máy hàn tự động. Đầu tư các trang thiết bị thi công chuyên ngành, bổ sung máy đào, máy ủi...

- Đẩy mạnh thi công các dự án lớn chuyển tiếp từ 2024 sang (Kho xăng dầu Giang Nam, Các kho xăng dầu thuộc Cục xăng dầu) và các dự án, công trình ký đầu năm 2025 (Kho nhựa đường Phạm Gia, các CHXD, Hóa chất Đức Giang...).

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu để ký các hợp đồng với các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp cổ phần, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho người lao động và giữ ổn định trả cổ tức hàng năm cho cổ đông.

- Tăng cường nỗ lực tối đa, quyết liệt trong công tác nghiệm thu thanh quyết toán các công trình để thu hồi vốn. Thực hiện tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác quản lý doanh nghiệp trọng tâm là vai trò quản lý dự án các hợp đồng kinh tế, các phương án khoán quản chi tiết cụ thể và áp dụng tới các Công ty thành viên, Chi nhánh, Đội thi công.

- Tăng cường chỉ đạo Công ty Gỗ nhựa và Công ty PNT nâng cao năng lực hoạt động SXKD để góp phần tăng thêm doanh thu sản lượng cho Công ty mẹ.

- Nghiên cứu khảo sát để áp dụng mô hình quản lý sản xuất tiên tiến phù hợp với giai đoạn phát triển hiện nay của Công ty.

- Bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ quản lý, chuyên môn cho Ban điều hành, lãnh đạo các phòng ban của Công ty mẹ và Công ty con.

- PCC-1 Group vẫn tiếp tục đầu tư và nâng cao công nghệ để giữ ổn định sản lượng và doanh thu tại các đơn vị xây lắp. Mặt khác tiếp tục củng cố bổ sung nguồn nhân lực cho 04 nhà máy đã đầu tư (Nhà máy cơ khí phía Nam, nhà máy cơ khí phía Bắc, nhà máy gỗ nhựa, nhà máy bê tông dự ứng lực) để nâng cao doanh thu, sản lượng của các nhà máy này. Đây cũng nằm trong chiến lược của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty trong các nhiệm kỳ trước là đầu tư các nhà máy để đem lại sản xuất ổn định, an toàn giảm bớt áp lực cho công tác kinh doanh xây lắp có nhiều vất vả và rủi ro.

- PCC-1 Group cần phải nhìn vào các việc đã làm được và chưa làm được trong 05 năm qua của nhiệm kỳ này (2020-2025) để thay đổi trong công tác chỉ đạo của toàn Group.

1.2. Công ty TNHH Bê tông và xây lắp Petrolimex (PCC)

- Tìm kiếm thị trường, nâng cao giá trị sản lượng về bán bê tông thương phẩm và cọc DUL đem lại doanh thu, năng suất cho công ty.

- Công ty Bê tông cần tiếp tục hoàn thiện quy trình sản xuất, bổ sung nguồn nhân lực quản lý, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và tiếp thị sản phẩm tăng doanh thu, lợi nhuận.

- Giải pháp tài chính đầu tư trang thiết bị nâng cao năng suất, năng lực sản xuất, cung cấp đáp ứng nhu cầu thị trường: Khuôn cọc, xe chở bê tông, xe chở xi măng có thể từ nguồn vay, thuê mua tài chính, nguồn vốn góp của doanh nghiệp, của cá nhân/ tập thể.

- Nghiên cứu chế tạo bê tông định hình ứng dụng trong xây lắp CHXD, dân dụng công nghiệp... đa dạng hóa sản phẩm theo xu thế mới.

1.3. Công ty TNHH MTV PCC-1 TPS

Thông qua tìm kiếm thị trường mới bám sát và phát triển thị trường truyền thống bồn bể, kết cấu thép, đường ống công nghệ, các thiết bị phi tiêu chuẩn... có cơ chế linh hoạt đối với khách hàng để thu hút công việc và tạo niềm tin với

khách hàng mới để tăng doanh thu sản lượng phần TPS nhận thầu (ngoài công việc PCC1 Group giao thầu).

Riêng nhà máy tập trung vào chuyên ngành bồn bể áp lực và bồn bể xăng dầu dùng công nghệ tiên tiến đưa công xưởng hóa, tự động hóa vào sản xuất đầu tư bổ sung Robot hàn (định vị và robot chi tiết từng laser), Bổ sung các trang thiết bị cho 2 nhà máy sản xuất bồn bể).

Như trước đây nhà máy công xưởng hóa cho công trường để giảm bớt thời gian ở công trường và bị ảnh hưởng thời tiết nhưng hiện nay do chi phí vận chuyển, logocitic, tăng cao nên nhà máy sẽ tập trung cho sản phẩm chuyên ngành có chất lượng, hiệu quả cao

1.4. Công ty Gỗ nhựa PCC-1

- Mở rộng thị trường, bổ sung nguồn nhân công: làm gỗ nhựa do sự bùng nổ nhiều dự án chung cư, nhà cao tầng; nhân lực về nề, mộc, nội thất. Huy động tăng nguồn vốn lưu động thu mua vật tư để đảm bảo quá trình vận hành thiết bị được liên tục giảm chi phí.

- Bổ sung nhân sự công tác Marketing bán hàng, giám sát thi công, làm công tác nghiệm thu quyết toán công trình, hỗ trợ khách hàng khi họ có nhu cầu và đủ điều kiện làm đại lý phân phối sản phẩm gỗ nhựa.

- Bán hàng online, công nghệ thông tin hỗ trợ quảng bá, facebook, zalo...

- Tập trung sản xuất các sản phẩm của máy công suất lớn Phôi cửa, tấm Foam trên thị trường có nhu cầu lớn, bổ sung các khuôn mẫu, máy trộn bột PVC đảm bảo nguyên liệu ổn định về chất lượng sản phẩm ra thị trường.

- Tiết kiệm chi phí chung, chi phí SXKD tìm nguồn cung ứng mới với giá thành hợp lý, tiếp tục cải tiến công nghệ để giảm giá thành sản phẩm.

- Nâng cao giá trị doanh thu và sản lượng với các giải pháp kinh doanh, thương mại bằng việc xuất nhập khẩu các sản phẩm dân dụng, trang thiết bị, máy công nghiệp của Trung Quốc.

1.5. Công ty PNT

- Đẩy mạnh các kênh Marketing, chủ động tiếp cận nguồn khách hàng, tận dụng các mối quan hệ sẵn có của công ty PCC1 Group để phát triển kinh doanh, mở rộng lĩnh vực kinh doanh xoay quanh các sản phẩm về tự động hóa dây truyền, kho vận thông minh, tìm kiếm nguồn việc, tạo công ăn việc làm nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Đẩy mạnh công tác dịch vụ sau bán hàng, kinh doanh phụ tùng thiết bị, dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng cho các dự án bãi đỗ xe nhằm nâng cao thương hiệu, uy tín của đơn vị.

- Thực hiện quyết liệt trong công tác hoàn thành các dự án, thực hiện công tác nghiệm thu, hoàn công, thanh quyết toán các công trình để thu hồi công nợ;

- Bổ sung nguồn nhân sự chất lượng: kỹ sư tự động hóa, điều khiển; kỹ sư cơ khí, nhân viên kinh doanh - marketing, đội ngũ kỹ thuật sau bán hàng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức doanh nghiệp.

- Thực hiện đào tạo nội bộ, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ về chuyên môn, quản lý cho cán bộ công nhân viên đồng thời tinh gọn bộ máy nhằm nâng cao hiệu suất làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động.

1.6. Công ty TNHH MTV PCC 1 Hà Nội

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của Group sẽ thực hiện chuyển đổi công ty TNHH MTV thành công ty cổ phần để đảm bảo các hoạt động theo quy định tại theo Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

1.7. Sắp xếp rà soát nhân sự Công ty mẹ, Công ty con và định biên lại toàn bộ Công ty để tinh gọn và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh. Cơ cấu hợp lý lực lượng lao động cho các Công ty con, nhà máy để khai thác hiệu quả được máy móc thiết bị đã đầu tư.

Tái cấu trúc phòng ban theo hướng chuyên nghiệp, đặc biệt chuyên môn hóa tại công trình đối với các cán bộ, kỹ thuật tập trung vào quản lý chất lượng và tiến độ. Đối với bộ phận văn phòng xử lý công tác hậu cần, cung ứng, hoàn thiện chứng từ cho từng công trình kịp thời để sản xuất kinh doanh.

1.8. Rà soát hoàn thiện các quy chế, quy định về quản lý nội bộ của Công ty mẹ, Công ty con phù hợp với mô hình hiện đại vừa khoán quản vừa giám sát để tăng cường giám sát tài chính và kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty theo quy chế và quy định đã đặt ra.

1.9. Kế hoạch về đầu tư dự án, đầu tư thiết bị:

- Dự án Cỏ Bi:

Được Giấy phép xây dựng số 07/GPXD của Sở Xây dựng Hà Nội ngày 25/4/2024 về việc cấp phép xây dựng công trình Chung cư hỗn hợp và Nhà ở thấp tầng.

Công tác thi công: triển khai công tác xây dựng nhà ở thấp tầng và chung cư, hoàn thiện các thủ tục dự án. Dự kiến cơ bản hoàn thiện trong năm 2025.

- Dự án 157 Đức Giang: Hiện đang hoàn thiện thủ tục thuê đất theo quy định Luật đất đai 2024.

- Ngày 25/3/2025 Sở QH-KT Hà Nội ban hành Văn bản Thông tin về chỉ giới đường đỏ để làm căn cứ hoàn thiện thủ tục thuê đất với Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Ngày 01/4/2025 Công ty đã nộp Hồ sơ đăng ký đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi có Giấy chứng nhận sẽ thực hiện các thủ tục tiếp theo để triển khai Nhà ở xã hội đã được ĐHĐCĐ năm 2023 phê duyệt.

- Đầu tư: Mua thêm một số máy móc thiết bị phục vụ công tác xây lắp và trang bị bổ sung thiết bị tiên tiến hiện đại đảm bảo độ chính xác, giảm các bước nguyên công bước tiếp theo, tăng năng suất lao động, giảm giá thành để cạnh tranh.

2. Dự kiến kế hoạch SXKD năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025
1	Giá trị sản lượng	Tr. đ	1.243.000	1.437.000
2	Doanh thu	Tr. đ	1.194.368	1.250.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	35.374	36.000
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	26.481	28.500
5	Tỷ lệ trả cổ tức (trên VDL 115 tỷ)	%	15	15
6	Đầu tư	Tr. đ	74.150	150.000

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. Chúng tôi tin rằng dưới sự đoàn kết nhất trí của người lao động, sự chỉ đạo quyết tâm cao của Hội đồng quản trị và nhất là sự ủng hộ cao của các quý vị cổ đông, Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex sẽ vượt qua mọi khó khăn để quyết tâm hoàn thành tốt kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Kính chúc các quý vị đại biểu khách quý, cổ đông: sức khỏe, hạnh phúc, bình an.

Xin trân trọng cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Công Hữu

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN XÂY LẮP 1 - PETROLIMEX**



- 5. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BKS**
- 6. TỜ TRÌNH LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM
TOÁN BCTC 2025**

Hung Yên, Ngày 28 tháng 4 năm 2025



Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính thưa: Các Quý Cổ đông/Đại diện Cổ đông và Quý vị đại biểu!

Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định hiện hành; Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex (CTy) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Báo cáo của Ban kiểm soát với nội dung như sau:

Phần thứ nhất: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Một là, năm 2024 hoạt động của Ban kiểm soát CTy có đủ 03 Kiểm soát viên, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Hai là, trong năm 2024, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các công việc trọng tâm sau đây:

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch công tác giám sát năm 2024 tại văn bản số 001-2024/XL1-BKS ngày 25/3/2024.
- Xây dựng kế hoạch công tác của từng Kiểm soát viên Ban kiểm soát.
- Xây dựng và trình ĐHĐCĐ Báo cáo của Ban kiểm soát và Tờ trình chọn CTy kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) của CTy năm 2024.
- Thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá về tình hình, kết quả SXKD và công tác quản trị CTy năm 2024.
- Tham dự các cuộc họp và có ý kiến tham gia với HĐQT CTy.
- Tham gia một số cuộc làm việc của Chủ tịch HĐQT tại CTy mẹ, CTy con.
- Thực hiện các công việc có liên quan khác của CTy.
- Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ 03 lần, các lần họp này được thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát CTy.

Ba là, tổng số tiền thù lao của các Kiểm soát viên Ban kiểm soát năm 2024 là 372 triệu đồng. Các chi phí khác phục vụ cho hoạt động của Kiểm soát viên, Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều lệ, quy chế, quy định hiện hành của CTy.

Phần thứ hai: KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIÁM SÁT NĂM 2024

Một là, thẩm định BCTC năm 2024:

- BCTC CTy mẹ và BCTC hợp nhất của CTy năm 2024 được CTy TNHH Hằng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán, phát hành Báo cáo kiểm toán ngày 31/03/2025.
- Ban kiểm soát thống nhất ý kiến của Kiểm toán viên: BCTC CTy mẹ và BCTC hợp nhất của CTy năm 2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động SXKD

và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong BCTC CTy mẹ và BCTC hợp nhất của CTy năm 2024 tại Phụ lục kèm theo.

Hai là, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024:

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024, cụ thể:

- Tổng doanh thu thuần và thu nhập khác hợp nhất: 1.195.271 triệu đồng, đạt 109% kế hoạch năm, bằng 131% thực hiện năm 2023.

- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 35.374 triệu đồng, đạt 118% kế hoạch năm, bằng 130% thực hiện năm 2023.

- Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 26.481 triệu đồng (trong đó: Lợi ích của CTy là 25.511 triệu đồng), đạt 106% kế hoạch năm, bằng 136% thực hiện năm 2023.

- Tỷ lệ chia cổ tức: 15%, đạt 100% kế hoạch năm, bằng 100% thực hiện năm 2023.

2. Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024:

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD năm 2024, đã trình bày cụ thể ở mục 1 nêu trên.

- Về các nội dung khác:

+ CTy đã thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 cho các quỹ và chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ CTy.

+ CTy đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên Ban kiểm soát theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua. Và trình ĐHĐCĐ về việc quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát CTy năm 2024.

+ HĐQT CTy đã thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ về chọn CTy TNHH Hằng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán BCTC của CTy mẹ và BCTC hợp nhất năm 2024 theo quy định.

Ba là, kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị (HĐQT) CTy:

1. Kết quả tổ chức họp và ban hành nghị quyết của HĐQT CTy

Năm 2024, ngoài việc tổ chức các phiên họp định kỳ trực tiếp, HĐQT đã lấy phiếu ý kiến các thành viên HĐQT. Theo đó, đã ban hành 28 nghị quyết để thực hiện chức năng chỉ đạo, định hướng hoạt động của CTy và các đơn vị thành viên về công tác ĐHĐCĐ, tổ chức, cán bộ, lao động, tiền lương, đầu tư, SXKD và quản trị doanh nghiệp.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của HĐQT CTy

Năm 2024, HĐQT đã triển khai thực hiện tích cực, kịp thời, có kết quả rõ nét các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ CTy giao. Một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Trên cơ sở nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành kịp thời các nghị quyết để chỉ đạo hoạt động SXKD. Chủ tịch HĐQT đã chỉ đạo kịp thời, quyết liệt, thực hiện giám sát thường xuyên đối với Ban Tổng giám đốc để có giải pháp tập trung về lao động, tiền vốn, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu cho SXKD, thực hiện làm thêm giờ, tăng năng suất lao động; chú trọng việc giải quyết hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi công nợ.

- Dự án đầu tư “Xây dựng nhà ở liền kề thương mại phố xanh” tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội được CTy tiếp tục triển khai thực hiện. Tổng giá trị đầu tư thực hiện của dự án này trong năm 2024 là 43.205 triệu đồng.

- HĐQT, Ban Tổng giám đốc cùng các phòng nghiệp vụ CTy mẹ đã và đang tiếp tục triển khai việc rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy chế quản lý tài chính, Quy chế đầu tư, Quy định phân công thực hiện quyền và nghĩa vụ người đại diện theo pháp luật... cho phù hợp hơn với các quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn tại CTy.

3. Đánh giá chung

- Trong năm 2024, ngoài việc tổ chức các phiên họp trực tiếp, HĐQT đã thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản; việc thông báo mời họp, chuẩn bị các tài liệu phục vụ phiên họp, lấy ý kiến các thành viên HĐQT, ban hành các nghị quyết được chú trọng và đáp ứng yêu cầu.

- Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 đã được Chủ tịch cùng với HĐQT CTy chỉ đạo quyết liệt, kịp thời và mang lại kết quả rõ nét, điển hình là kết quả về sản xuất kinh doanh; đầu tư bổ sung, mở rộng Nhà máy cọc bê tông ly tâm dự ứng lực Petrolimex (Nhà máy số 2).

- Về cơ bản, HĐQT CTy đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo Luật định, phù hợp với tình hình thực tế tại CTy. Các Nghị quyết của HĐQT CTy ban hành đã tuân thủ Điều lệ CTy, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định, quy chế quản trị nội bộ của CTy.

Bốn là, kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các cán bộ điều hành khác:

- Ban Tổng giám đốc đã có sự phân công và phối hợp trong quá trình điều hành hoạt động SXKD. Tuy nhiên, công tác điều hành cần chú ý hơn để thực sự đáp ứng kịp yêu cầu đòi hỏi từ thực tiễn hoạt động SXKD.

- Một số cán bộ điều hành khác cần chú trọng sự phối hợp tích cực, kịp thời, thường xuyên và chủ động tổ chức thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao để phát huy tốt chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc theo yêu cầu của hoạt động SXKD.

- Tổng giám đốc tiếp tục có giải pháp đồng bộ, tích cực để chỉ đạo thực hiện có kết quả rõ nét về hoạt động SXKD và lập BCTC.

Năm là, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT và Tổng giám đốc:

- Sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và các phòng nghiệp vụ CTy, Cổ đông trong suốt quá trình tổ chức thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định được chú trọng thực hiện.

- Ban kiểm soát thực hiện thông báo kịp thời cho HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ khác về phân công nhiệm vụ cho Kiểm soát viên, Kế hoạch công tác giám sát và tình hình, kết quả công tác giám sát đã thực hiện. Một số kiến nghị của Ban kiểm soát được triển khai thực hiện.

- Các phòng nghiệp vụ, đơn vị trong CTy có trách nhiệm cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết theo yêu cầu cho Ban kiểm soát. Tuy nhiên, việc này cần được chú trọng thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đầy đủ và có hiệu quả hơn.

Phần thứ ba: KIẾN NGHỊ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT NĂM 2025

Để hoạt động SXKD của CTy tiếp tục phát triển an toàn, hiệu quả, Ban kiểm soát có một số kiến nghị và phương hướng cho công tác giám sát năm 2025 như sau:

Một là, tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức kinh tế kỹ thuật nội bộ đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và thực tiễn hoạt động SXKD của CTy.

Hai là, tiếp tục thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá tình hình, kết quả SXKD và có giải pháp phù hợp để hoàn thiện, nâng cao chất lượng công tác quản trị doanh nghiệp, năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động SXKD tại CTy mẹ, CTy con.

Ba là, tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá các tồn tại, bất cập, rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động SXKD của CTy mẹ và từng CTy con. Theo đó, có giải pháp đủ mạnh để khắc phục dứt điểm.

Bốn là, năm 2025, Ban kiểm soát tập trung xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch công tác giám sát với các nội dung chủ yếu sau đây:

- Giám sát tình hình và kết quả tổ chức thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT CTy;
- Giám sát việc xây dựng, giao, tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD, khoán quản; chú trọng việc tiết giảm chi phí SXKD, gia tăng khả năng cạnh tranh và hiệu quả SXKD;
- Giám sát việc tiếp tục rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, ban hành các quy định quản trị nội bộ CTy, đơn vị trực thuộc;
- Giám sát việc thực hiện chế độ quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng và các chế độ, chính sách khác đối với người lao động, người quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước, của CTy;
- Giám sát việc giải quyết những tồn tại, bất cập, vướng mắc trong hoạt động SXKD và một số nội dung khác trong quản trị doanh nghiệp.

Trên đây là nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát, kính trình ĐHĐCĐ CTy.

TM. BAN KIỂM SOÁT



Đinh Viết Tiến

(Kèm theo Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông CTy năm 2025)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Ngày 31/12/2024	
			CTy mẹ	Hợp nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.005.116	1.276.223
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	476.671	759.139
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	528.445	517.084
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.005.116	1.276.223
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	790.558	1.018.781
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	214.558	257.442
III	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	79	80
2	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	21	20
IV	Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,98	1,09
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,85	0,88
V	Khả năng sinh lợi			
1	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Triệu đồng	28.160	26.481
2	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn CSH)	%	13	10
3	ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản)	%	3	2
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng		2.218



Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 Petrolimex được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/4/2021;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 như sau:

I. Các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- 1) Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết năm 2025;
- 2) Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- 3) Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- 4) Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- 5) Đáp ứng yêu cầu của CTy về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- 6) Có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

II. Đề xuất cụ thể về chọn Công ty kiểm toán độc lập

Căn cứ các tiêu thức nêu trên, Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và ủy quyền cho HĐQT CTy quyết định lựa chọn một trong các Công ty sau đây để kiểm toán BCTC năm 2025 cho CTy:

- 1) Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- 2) Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.
- 3) Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
- 4) Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.
- 5) Công ty TNHH và Tư vấn UHY.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, phê duyệt./.

TM. BAN KIỂM SOÁT



Đinh Viết Tiến

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN XÂY LẮP 1 - PETROLIMEX**



- 7. TT PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2024**
- 8. BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THÙ LAO HĐQT, BKS
NĂM 2024**
- 9. TT PHƯƠNG ÁN TRẢ LƯƠNG, THÙ LAO
HĐQT, BKS NĂM 2025**

Hung Yên, Ngày 28 tháng 4 năm 2025



Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2024

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty CP Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/ĐHĐCĐ-NQ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua ngày 26/4/2024.

- Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty - Số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

Hội đồng quản trị Công ty xây dựng và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2025 phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex, theo số liệu BCTC hợp nhất 2024, như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối	23.358.002.339
2	Chia cổ tức 15%/VĐL (115 tỷ x 15%)	17.250.000.000
3	Quỹ đầu tư phát triển	4.390.102.339
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.167.900.000
5	Quỹ thưởng cho BQL điều hành	550.000.000

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2024 của Công ty cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT
PHẠM MINH TÂM



Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Về việc quyết toán trả lương, thù lao của các thành viên HĐQT
và trả lương, thù lao của các thành viên Ban kiểm soát 2024

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty CP Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Nghị Quyết: 01/XL1-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông năm 2024 Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex về việc thông qua Tờ trình phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo về việc quyết toán trả lương, thù lao của các thành viên HĐQT và trả lương, thù lao của các thành viên BKS năm 2024 như sau:

- | | |
|--|--|
| 1.1 Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) | : 1,5 lần tiền lương TGD |
| 1.2 Thành viên HĐQT (không chuyên trách) | : 20% tiền lương Chủ tịch |
| 1.3 Trưởng BKS (không chuyên trách) | : 30% tiền lương TGD |
| 1.4 Thành viên BKS (không chuyên trách) | : 40% tiền lương Trưởng BKS (không chuyên trách) |

- Trả lương, thù lao của các thành viên HĐQT thực hiện tính theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2024. Theo đó tổng trả lương, thù lao của HĐQT năm 2024 là 2.276.761.000 đồng.

- Trả lương, thù lao của các thành viên BKS thực hiện tính theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2024. Theo đó tổng trả lương, thù lao của BKS năm 2024 là 372.561.120 đồng.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT
PHẠM MINH TÂM



Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT
và trả lương, thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát 2025

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty CP Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex kính trình ĐHĐCĐ về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả lương, thù lao thành viên BKS năm 2025 như sau:

1. Tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS:

- 1.1 Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) : 1,5 lần tiền lương TGD
- 1.2 Thành viên HĐQT (không chuyên trách) : 20% tiền lương Chủ tịch
Trưởng BKS (không chuyên trách)
- 1.3 Kiểm soát viên BKS (không chuyên trách) : 40% tiền lương Trưởng BKS
(không chuyên trách)

2. Phương thức trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2025:

Giao HĐQT căn cứ kết quả hoạt động SXKD lập phương án tiền lương và thù lao HĐQT, BKS phù hợp kết quả hoạt động SXKD. Thực hiện tạm ứng hàng tháng và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính, HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ năm 2026 thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT
PHẠM MINH TÂM

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN XÂY LẮP 1 - PETROLIMEX**



**10. BẦU CỬ HĐQT, BKS NHIỆM KỲ
2025-2030**

Hưng Yên, Ngày 28 tháng 4 năm 2025



Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

**V/v: Bầu Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex nhiệm kỳ 2025-2030**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex.

Căn cứ thông báo số 12-2025/XL1-HĐQT ngày 05/04/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex về việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex nhiệm kỳ 2025-2030.

Hội đồng quản trị PCC-1 Group xin kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét thông qua việc bầu cử ứng viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

1. Thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030 là: 07 thành viên
2. Thông qua số lượng Kiểm soát viên BKS nhiệm kỳ 2025-2030 là: 03 thành viên
3. Căn cứ hồ sơ ứng cử/ đề cử thành viên HĐQT, Kiểm soát viên BKS kính đề nghị Đại hội tiến hành bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên BKS nhiệm kỳ 2025-2030.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**CHỦ TỊCH HĐQT
PHẠM MINH TÂM**



Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

THẺ LỆ BẦU CỬ HĐQT, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025-2030

Tại đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex;

Thẻ lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex nhiệm kỳ 2025-2030 được tiến hành theo những quy định như sau:

1. Nguyên tắc bầu cử:

Việc bầu thành viên HĐQT và BKS được tiến hành theo phương thức **bầu dồn phiếu**, thông qua hình thức công khai, trực tiếp, bỏ phiếu kín.

2. Số lượng và nhiệm kỳ

Số lượng thành viên HĐQT : 07 thành viên

Số lượng Kiểm soát viên BKS : 03 thành viên

Nhiệm kỳ 2025-2030

3. Thẻ thức bầu cử: Bầu dồn phiếu

Căn cứ Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp quy định:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Cụ thể:

Với phiếu bầu HĐQT: Tổng số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông = Tổng số cổ phần (sở hữu + được ủy quyền) của cổ đông x bảy (07) (là số lượng thành viên HĐQT được bầu)

Với phiếu bầu BKS: Tổng số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông = Tổng số cổ phần (sở hữu + được ủy quyền) của cổ đông x ba (03) (là số lượng kiểm soát viên BKS được bầu)

- Như vậy:

Tỷ lệ phiếu bầu = Tổng số phiếu bầu cho ứng viên/tổng số cổ phần dự họp x 100%

4.1. Phiếu bầu:

- Thẻ hiện Họ và tên cổ đông; Số cổ phần sở hữu + Số cổ phần được ủy quyền, Tổng số điểm biểu quyết và họ tên các ứng cử viên được đề cử hoặc ứng cử. Mỗi

cổ đông/đại diện cổ đông được Ban bầu cử phát 02 phiếu bầu cử có đóng dấu đỏ của Công ty.

- Phiếu bầu HĐQT màu hồng, có đóng dấu của Công ty.
- Phiếu bầu BKS màu xanh, có đóng dấu của Công ty.
- Mỗi phiếu bầu thể hiện quyền biểu quyết tương ứng với số lượng cổ phần cổ đông/đại diện cổ đông đó nắm giữ.
- Trường hợp phiếu bầu không còn nguyên vẹn hoặc bị tẩy xóa hoặc có sự nhầm lẫn khi ghi phiếu (và chưa bỏ vào thùng phiếu), cổ đông/đại diện cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức Đại hội để được cấp lại Phiếu bầu mới và nộp lại phiếu bầu cũ.

4.2. Cách thức bầu HĐQT

Ví dụ: Cổ đông A đang sở hữu **1000 cổ phần** thì tổng số điểm biểu quyết của cổ đông A để bầu cử thành viên HĐQT là: **$1000 \times 7 = 7.000$ điểm**.

Cổ đông chọn phương thức bầu cử theo cách 1 hoặc cách 2, cụ thể như sau:

TT	Họ và tên người ứng cử, đề cử	Cách 1: Số phiếu bầu dồn hết cho ứng cử viên	Cách 2: Số phiếu bầu phân bổ cho ứng cử viên
1		X	1000
2		X	1000
3		X	500
4		X	700
5		X	1500
6		X	300
7		X	
8			2000

- Cách 1: Nếu chọn bầu cho thành viên đủ số điểm thì đánh dấu “X”, như vậy thành viên HĐQT sẽ có 1000 điểm biểu quyết.
- Cách 2: Nếu bầu cho thành viên với số điểm thì ghi số điểm cụ thể cho thành viên sao cho số điểm biểu quyết phân bổ cho ứng cử viên phải **nhỏ hơn hoặc bằng tổng số điểm biểu quyết của cổ đông**.

4.3. Cách thức bầu BKS: thực hiện như cách bầu HĐQT.

5. Phiếu bầu cử hợp lệ là phiếu bầu thuộc các trường hợp sau:

- Đánh dấu “X” theo cách 1.
- Ghi số phiếu bầu sao cho số điểm biểu quyết cho ứng cử viên **bằng hoặc nhỏ hơn tổng số điểm biểu quyết của cổ đông** theo cách 2.
- Phiếu bầu cử để trống.

6. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu bầu thuộc các trường hợp sau:

- Phiếu bầu cử không do Ban tổ chức phát hành theo mẫu quy định hoặc tẩy xóa, sửa chữa nội dung.

- Cổ đông gạch tên ứng cử viên hoặc ghi thêm tên ứng cử viên.
- Cổ đông bầu vượt quá tổng số phiếu bầu của mình (theo cách 2).
- Cổ đông bầu bằng “%” số phiếu.

7. Nguyên tắc trúng cử:

Căn cứ Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp quy định:

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

8. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông/đại diện cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kì lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban bầu cử sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

BAN BẦU CỬ

Xin ý kiến đại hội thông qua Thể lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030

- + Đại biểu nào tán thành, xin cho biểu quyết!
- + Đại biểu nào không tán thành, xin cho biểu quyết!
- + *(Không có)*
- + Đại biểu nào không có ý kiến!
- + *(Không có)*
- Như vậy đại hội đã nhất trí 100%.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : **Phạm Minh Tâm**
2. Giới tính : **Nam**
3. Ngày sinh : **01/01/1959** - Quốc tịch : **Việt Nam**
4. Số CMND : **036059003805** ngày cấp: **12/12/2021**, nơi cấp: **Cục CS QLHC về TTXH**
5. Địa chỉ thường trú : **Số 13 Đỗ Hạnh, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, TP Hà Nội**
6. Chỗ ở hiện tại : **Số 13 Đỗ Hạnh, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, TP Hà Nội**
7. Số điện thoại : **0913 239 880**
8. Trình độ văn hóa : **12/12**
9. Trình độ chuyên môn : **Kỹ sư kinh tế xây dựng**
10. Quá trình công tác:

Từ năm .. đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
1979 -1988	Công ty xây lắp I - Bộ Vật tư	Cán bộ kỹ thuật thi công
1989 - 1999	Công ty xây lắp I	Đội trưởng XN xây lắp 103
07/1999 - 02/2000	Công ty xây lắp I	Phó giám đốc xí nghiệp xây lắp và dịch vụ máy thi công
03/2000 - 12/2001	Công ty xây lắp I	Giám đốc xí nghiệp xây lắp và dịch vụ máy thi công
01/2002 - 03/2003	Công ty cổ phần xây lắp 1 - Petrolimex	Phó Giám đốc Công ty
04/2003 - 06/2015	Công ty cổ phần xây lắp 1 - Petrolimex	Giám đốc Công ty
07/2015 – 07/2018	Công ty cổ phần xây lắp 1 - Petrolimex	Tổng Giám đốc Công ty
08/2018 – 07/2020	Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
08/2020 - nay	Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex	Chủ tịch HĐQT

11. Chức vụ công tác hiện nay: **Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex**

12. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

12.1 Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bê tông & xây lắp - Petrolimex.

12.2. Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn.

12.3 Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bãi đỗ xe tự động PCC-1 NISSEI TIC

12.4 Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần PCC-1 Homes.

13. Số lượng cổ phiếu sở hữu (sở hữu cá nhân) : **1.200.000** cổ phần.

Tôi xin cam kết bản thân có đủ điều kiện tham gia HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty, đồng thời cam kết nội dung tự khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2025

Người khai

A handwritten signature in black ink, consisting of stylized, overlapping loops and strokes, positioned above a horizontal line.

Phạm Minh Tâm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : PHẠM THÀNH CÔNG
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 11/8/1973 Quốc tịch : Việt Nam
4. Số CMND/CCCD : 036073011190 Cấp ngày 10/5/2021 Nơi cấp : Cục CSQLHC về TTXH
5. Địa chỉ thường trú : Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
6. Chỗ ở hiện tại : Dự án nhà ở CBCS Công ty Thăng Long Bộ Công An, Tổ 3 Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.
7. Số điện thoại : 0989568699
8. Trình độ văn hoá : 12/12
9. Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán doanh nghiệp
10. Quá trình công tác:

Từ năm.. đến năm	Chức vụ
T1996 - 1999	Kế toán viên Chi nhánh Tổng Công ty Bến Thành tại Hà Nội
1999 - 2000	Cán bộ phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu Công ty Vinh Phát
2000 - 2004	Cán bộ phòng Kinh doanh Chi nhánh Công ty TM Kỹ thuật và đầu tư Petec tại Hải Phòng
2004 - 2005	Phó Trưởng Phòng Kinh doanh Chi nhánh Công ty TM Kỹ thuật và đầu tư Petec tại Hải Phòng
2005 - 2009	Trưởng phòng kinh doanh Chi nhánh Công ty TM Kỹ thuật và đầu tư Petec tại Hải Phòng
2009 - 2010	Kế toán viên Công ty Cổ phần xây lắp 1 - Petrolimex
2010 - 2015	Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần xây lắp 1 – Petrolimex (Pec-1 Group)
2015 - 2022	Kế toán trưởng , Chủ tịch Công đoàn Pec-1 Group, UV BCH Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2020-2024 (ngày 02/07/2020);
2022 nay	Phó Tổng giám đốc Pec-1 Group, UV BCH Đảng bộ, Chủ tịch Công đoàn Pec-1 Group, UV BCH, Phó bí thư Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2025-2030.

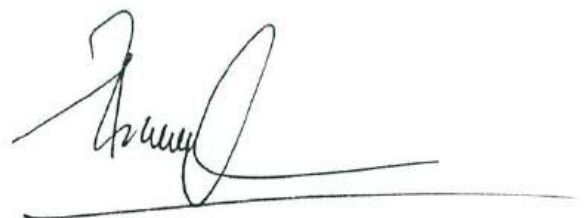
11. Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Pcc-1 Group
12. Các chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- + Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội;
 - + Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV gỗ nhựa PCC-1
 - + Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn;
 - + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần PCC-1 Homes;
 - + Trưởng ban kiểm soát Công ty TNHH Bê tông & xây lắp Petrolimex;
 - + Thành viên HĐQT Công ty cp tư vấn công nghệ -xây dựng Petrolimex.
13. Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 41.925 cổ phiếu
14. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty: Không
15. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng : Không

Tôi xin cam kết bản thân có đủ điều kiện tham gia HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty, đồng thời cam kết nội dung tự khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội, ngày 15 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thành Công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : **Lê Huy Thành**
2. Giới tính : **Nam**
3. Ngày sinh : **02/11/1976** - Quốc tịch : **Việt Nam**
4. Số CMND : **033076000674** ngày cấp: **11/05/2022**, nơi cấp: **Cục CS QLHC về TTXH**
5. Địa chỉ thường trú : **Tổ 5 Phường Đức Giang, Quận Long Biên, TP. Hà Nội**
6. Chỗ ở hiện tại : **64/82 phố Ô Cách, phường Đức Giang, Quận Long Biên, TP Hà Nội**
7. Số điện thoại : **0912 488 558**
8. Trình độ văn hóa : **12/12**
9. Trình độ chuyên môn : **Cử nhân kinh tế**
10. Quá trình công tác:

Từ năm ... đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2005 - 12/2010	Chi nhánh công ty CP xây lắp 1 – Petrolimex tại Hưng Yên - Công ty Cổ phần xây lắp 1 - Petrolimex	Kế toán
01/2011 - 05/2011	Công ty TNHH Bê tông & xây lắp - Petrolimex	Phó trưởng phòng - Phụ trách phòng TCKT
06/2011 - 01/2018	Công ty TNHH Bê tông & xây lắp - Petrolimex	TP Tài chính kế toán
02/2018 – 05/2022	Công ty TNHH Bê tông & xây lắp - Petrolimex	Phó Giám đốc kiêm TP TCKT
06/2022 - nay	Công ty CP Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex	Kế toán trưởng

11. Chức vụ công tác hiện nay:

Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex

12. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thành viên Hội đồng thành viên công ty TNHH Bê tông & Xây lắp - Petrolimex

13. Số lượng cổ phiếu sở hữu (sở hữu cá nhân) : **11.225** cổ phần.

Tôi xin cam kết bản thân có đủ điều kiện tham gia HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty, đồng thời cam kết nội dung tự khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2025

Người khai


Lê Huy Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : **Đào Trọng Chiêu**
2. Giới tính : **Nam**
3. Ngày tháng năm sinh : **28.4.1971** Quốc tịch: **Việt Nam**
4. Số CMND/CCCD : **034071012832** cấp ngày **06/9/2021**
Nơi cấp: **Cục CSQLHC về TTXH – Bộ Công an**
5. Địa chỉ thường trú : **Khu 31 Ha Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội**
6. Chỗ ở hiện tại : **Khu 31 Ha Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội**
7. Số điện thoại liên lạc : **0987969488**
8. Trình độ văn hoá : **12/12**
9. Trình độ chuyên môn : **Kỹ sư xây dựng**
10. Quá trình công tác:

Từ năm.. đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 - 2005	Công ty LICOGI 20	Cán bộ kỹ thuật
2005 - 2011	Công ty Cổ phần XL1- Petrolimex	Cán bộ kỹ thuật – Đội trưởng
2011 - 2016	Công ty TNHH bê tông & Xây lắp Petrolimex	Phó GD – Giám đốc
2017 - 2019	Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1	Giám đốc
2019 - nay	Công ty TNHH bê tông & Xây lắp Petrolimex	Phó GD – Giám đốc

11. Chức vụ công tác hiện nay: **Giám Đốc Công ty TNHH Bê tông & xây lắp - Petrolimex**
12. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: **Không**
13. Số lượng cổ phiếu sở hữu (sở hữu cá nhân) : **2.001 CP**

Tôi xin cam kết bản thân có đủ điều kiện tham gia HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty, đồng thời cam kết nội dung tự khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2025

Người khai



Đào Trọng Chiêu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : **VŨ DUY HẢI**
2. Giới tính : **Nam**
3. Ngày tháng năm sinh : **24-08-1980** Quốc tịch : **Việt Nam**
4. Số CMND/CCCD : **019080000227** cấp ngày **11/10/2021**.
Nơi cấp: **Hà Nội**
5. Địa chỉ thường trú : **Phòng 1010 Nhà K6, khu Đô thị Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, Tp Hà Nội.**
6. Chỗ ở hiện tại : **Phòng 1010 Nhà K6, khu Đô thị Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, Tp Hà Nội**
7. Số điện thoại liên lạc : **0904358757**
8. Trình độ văn hoá : **12/12**
9. Trình độ chuyên môn : **Kỹ sư kinh tế xây dựng.**
10. Quá trình công tác:

Từ năm.. đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2004 - 06/2005	Xí nghiệp xây lắp 1	Kỹ sư
09/2005 - 11/2006	Công ty CP xây lắp 1 - Petrolimex	Kỹ sư phòng Kinh doanh
12/2006 - 12/2008	Công ty CP xây lắp 1 - Petrolimex	Phó TP kinh doanh Công ty
01/2009 - 07/2012	Công ty CP xây lắp 1 - Petrolimex	Quyền TP KD Công ty
08/2012 - 05/2017	Công ty CP xây lắp 1 - Petrolimex	TP Kinh doanh Công ty
06/2017 - 04/2018	Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội	Giám đốc
05/2018 đến nay	Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex	Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty

11. Chức vụ công tác hiện nay: **Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 – Petrolimex.**

12. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: **Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV PCC-1 Gỗ nhựa.**

13. Số lượng cổ phiếu sở hữu (sở hữu cá nhân) : **68.410 cổ phần**

Tôi xin cam kết bản thân có đủ điều kiện tham gia HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty, đồng thời cam kết nội dung tự khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội, ngày 21 tháng 04 năm 2025

Người khai


Vũ Duy Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên: **PHÙNG NGỌC QUANG**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/06/1973 Quốc tịch: Việt Nam.
- Số CCCD: 001073033484, cấp ngày 10/05/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Địa chỉ thường trú: 115, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội.
- Chỗ ở hiện tại: P.807-T1 CT15 Green Park KhuĐT Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, TP Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0903458673
- Trình độ văn hóa: Đại học.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế xây dựng
- Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1996 – 1998	Chuyên viên phòng Kế hoạch tại Đội Thi công Cơ Giới - Công ty Công trình Đường Thủy
1998 – 2001	Chuyên viên phòng Kế hoạch - Công ty Công trình Đường Thủy
2002 - 2004	Chuyên viên phòng Kế hoạch - Công ty Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long
2004 – 2008	Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh - Công ty CP Tư vấn thiết kế Bưu chính Viễn thông
2008 – 2013	Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty CP Xây lắp và Phát triển Tin học Viễn thông
2014 – 4/2020	Phòng Quản lý Kinh doanh – Công ty CP Tư vấn thiết kế Cầu lớn - Hàm
5/2020 – 17/02/2025	Trưởng phòng Đầu tư Phát triển; Giám đốc chi nhánh Đồng Nai - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex
18/02/2025 – nay	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex.
T6/2020 - T9/2023	Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu (kiêm nhiệm)
T11/2023-T4/2024	Thành viên nhóm ĐDV tại Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu (kiêm nhiệm)
T9/2023 - Nay	TV NDD/TV HĐQT; Trưởng NDD/ CT.HĐQT Công ty CP Tư vấn xây dựng Petrolimex (kiêm nhiệm)
16/4/2024 – 15/04/2025	Trưởng nhóm ĐDV - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Xăng dầu (kiêm nhiệm)
26/4/2024 - Nay	Tham gia nhóm ĐDV, HĐQT Công ty CP Tập đoàn Xây lắp 1 – Petrolimex (kiêm nhiệm)

11. Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex
12. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng NDD - Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm) Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Petrolimex (PEC).
13. Số lượng cổ phiếu sở hữu (sở hữu các nhân): 0

Tôi xin cam kết bản thân có đủ điều kiện tham gia HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty, đồng thời cam kết nội dung tự khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

Người khai



Phùng Ngọc Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : TRẦN VĂN KHA
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 23/04/1963 Quốc tịch : Việt Nam.
4. Số CMND/CCCD : 036063004825 cấp ngày 22/11/2021
Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội,
Bộ Công An.
5. Địa chỉ thường trú : 92 Trương Định, Trương Định, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
6. Chỗ ở hiện tại : C26, lô 20 Khu đô thị Định Công, Phường Định Công,
Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
7. Số điện thoại liên lạc : 0913226864
8. Trình độ văn hoá : 12/12
9. Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế
10. Quá trình công tác:
- 1990: Cán bộ phòng TCHC Xí nghiệp Xăng dầu Hà Sơn Bình, Công ty Xăng dầu Khu
vực I, Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam.
- 1991: Cán bộ phòng TCHC Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình, Tổng công ty Xăng dầu
Việt Nam.
- 1996: Cán bộ phòng TCCB Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam.
- 1997: Cán bộ phòng LĐTL Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam.
- 1999: Thành viên Ban kiểm soát HDQT Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam.
- 2005: Học Cao cấp Lý luận chính trị hệ tập trung tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ
Chí Minh.
- 2006: Thành viên Ban kiểm soát HDQT Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam.
- 2008: Phó trưởng ban Tổng hợp HDQT Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam.
- 6/2010: Trưởng ban Tổng hợp HDQT Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam.
- 11/2011: Trưởng ban Tổng hợp HDQT, Thư ký Nhóm đại diện vốn Nhà nước, Thư ký
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.
- 2015 – 4/2024: Ủy viên BCH Đảng bộ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Trưởng ban
Tổng hợp HDQT, Thư ký Nhóm đại diện vốn Nhà nước, Thư ký Tập đoàn Xăng dầu
Việt Nam.
- 01/5/2024: Nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí.
11. Chức vụ công tác hiện nay: Cán bộ hưu trí
12. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
13. Số lượng cổ phiếu sở hữu (sở hữu cá nhân): Không

Tôi xin cam kết bản thân có đủ điều kiện tham gia HDQT theo quy định của Luật
doanh nghiệp và điều lệ của Công ty, đồng thời cam kết nội dung tự khai trên đây là
hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2025

Người khai



Trần Văn Kha

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Nguyễn Ngọc Toàn
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 29 tháng 06 năm 1975 Quốc tịch : Việt Nam
4. Căn cước công dân số: 030075000240 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 24 tháng 05 năm 2024.
5. Địa chỉ thường trú: xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
6. Chỗ ở hiện tại: Phòng 1118-CT1A, Khu đô thị Văn Quán, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
7. Số điện thoại liên lạc: 0947616768
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ luật học
10. Quá trình công tác:

Từ năm.. đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
1998 đến 1999	Công ty Dịch vụ và Tư vấn pháp lý Vinajuco	Nhân viên
2000 đến 2023	Công ty Thiết kế và Xây lắp Dầu Khí	Nhân viên
2004 đến 2008	Công ty Cổ phần Đại Phát	Trưởng Phòng
2009 đến 2011	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Ban điều hành DA Nhà máy điện Nhơn Trạch 2
2012 đến 2014	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa dầu khí.	Trợ lý Tổng Giám đốc
2015 đến 2020	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Nhân viên
2021 đến nay	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Phó phòng Tổng hợp/Phó chánh Văn phòng kiêm Trưởng phòng Pháp chế

11. Chức vụ công tác hiện nay:

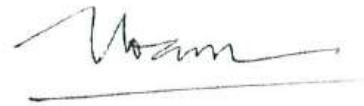
12. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó chánh văn phòng kiêm Trưởng phòng Pháp chế Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex.

13. Số lượng cổ phiếu sở hữu (sở hữu cá nhân): 95.100 (chín mươi lăm nghìn, một trăm) cổ phần, chiếm 0,83% (không phải tám mươi ba phần trăm) vốn điều lệ.

Tôi xin cam kết bản thân có đủ điều kiện tham gia Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty, đồng thời cam kết nội dung tự khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2025

Người khai



Nguyễn Ngọc Toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : Đinh Viết Tiến
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 08/03/1960 Quốc tịch : Việt Nam
4. Số CCCD : 037060002472 cấp ngày 18/10/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHCVTXH
5. Địa chỉ thường trú : P515-E6 TT Phương Mai, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
6. Chỗ ở hiện tại : Nhà B1-Lô 6, Khu đô thị Định Công, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
7. Số điện thoại liên lạc : 0904278423
8. Trình độ văn hoá : 10/10
9. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán
10. Quá trình công tác:

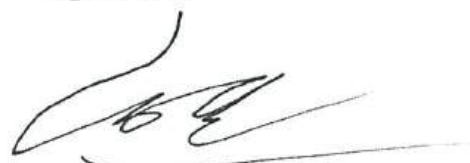
Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1982- 02/1991	Trường ĐHTCKT Hà Nội	Giảng viên Tài chính doanh nghiệp
03/1991-06/2020	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Chuyên viên, Phó trưởng phòng, Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm soát
06/2020- 04/2025	CTy CP Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	Trưởng Ban kiểm soát

11. Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát CTy (kiêm nhiệm)
12. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
13. Số lượng cổ phiếu sở hữu (cá nhân): 4.735 CP

Tôi xin cam kết bản thân có đủ điều kiện tham gia BKS theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; đồng thời cam kết nội dung khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2025

Người khai



Đinh Viết Tiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

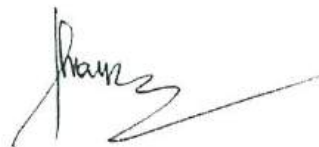
1. Họ và tên : Nguyễn Hà Nam
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 10/06/1985 Quốc tịch : Việt Nam
4. Số CMND/CCCD : 035085000102 cấp ngày 25/03/2025
nơi cấp: Bộ Công An
5. Địa chỉ thường trú : 503 Nhà A3b, 90 Thanh Nhàn, Thanh Nhàn, Hà Nội
6. Chỗ ở hiện tại : Căn hộ 907, T4 Time City, Hai Bà Trưng, Hà Nội
7. Số điện thoại liên lạc : 0989507070
8. Trình độ văn hoá : Đại học
9. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng dân dụng
10. Quá trình công tác:

Từ năm.. đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2009→09/2015	CTCP Xây lắp 1 - Petrolimex	Kỹ sư xây dựng
10/2015→04/2017	CTCP Xây lắp 1 - Petrolimex	Phó TP Kỹ thuật
05/2017→04/2018	CTCP Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex	TP Kỹ thuật
05/2018→03/2021	CTCP Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex	TP Kỹ thuật
04/2021→09/2024	CTCP Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex	Phó TP Kỹ thuật vật tư
10/2024→nay	CTCP Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex	TP Kỹ thuật

11. Chức vụ công tác hiện nay: Kiểm soát viên – BKS, TP Kỹ thuật
12. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
13. Số lượng cổ phiếu sở hữu (sở hữu cá nhân): 31 CP

Tôi xin cam kết bản thân có đủ điều kiện tham gia BKS theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty, đồng thời cam kết nội dung tự khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2025
Người khai


Nguyễn Hà Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : Nguyễn Hương Ly
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày tháng năm sinh : 21/10/1995 Quốc tịch: Việt Nam
4. Số CCCD : 011195006490 Cấp ngày: 10/05/2021
Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.
5. Địa chỉ thường trú : Nhà ở CT Ô tô Thanh Xuân, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội
6. Chỗ ở hiện tại : 18/42/175 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
7. Số điện thoại liên lạc : 0912 575 446
8. Trình độ văn hóa : 12/12
9. Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ
10. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2019 – 08/2024	Phòng Tổ chức Hành chính – Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Chuyên viên
09/2024 đến nay	Phòng Tài chính Kế toán – Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Chuyên viên

11. Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán – Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex.
12. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
13. Số lượng cổ phiếu sở hữu (sở hữu cá nhân): Không.

Tôi xin cam kết bản thân có đủ điều kiện tham gia BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, đồng thời cam kết nội dung tự khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025
Người khai

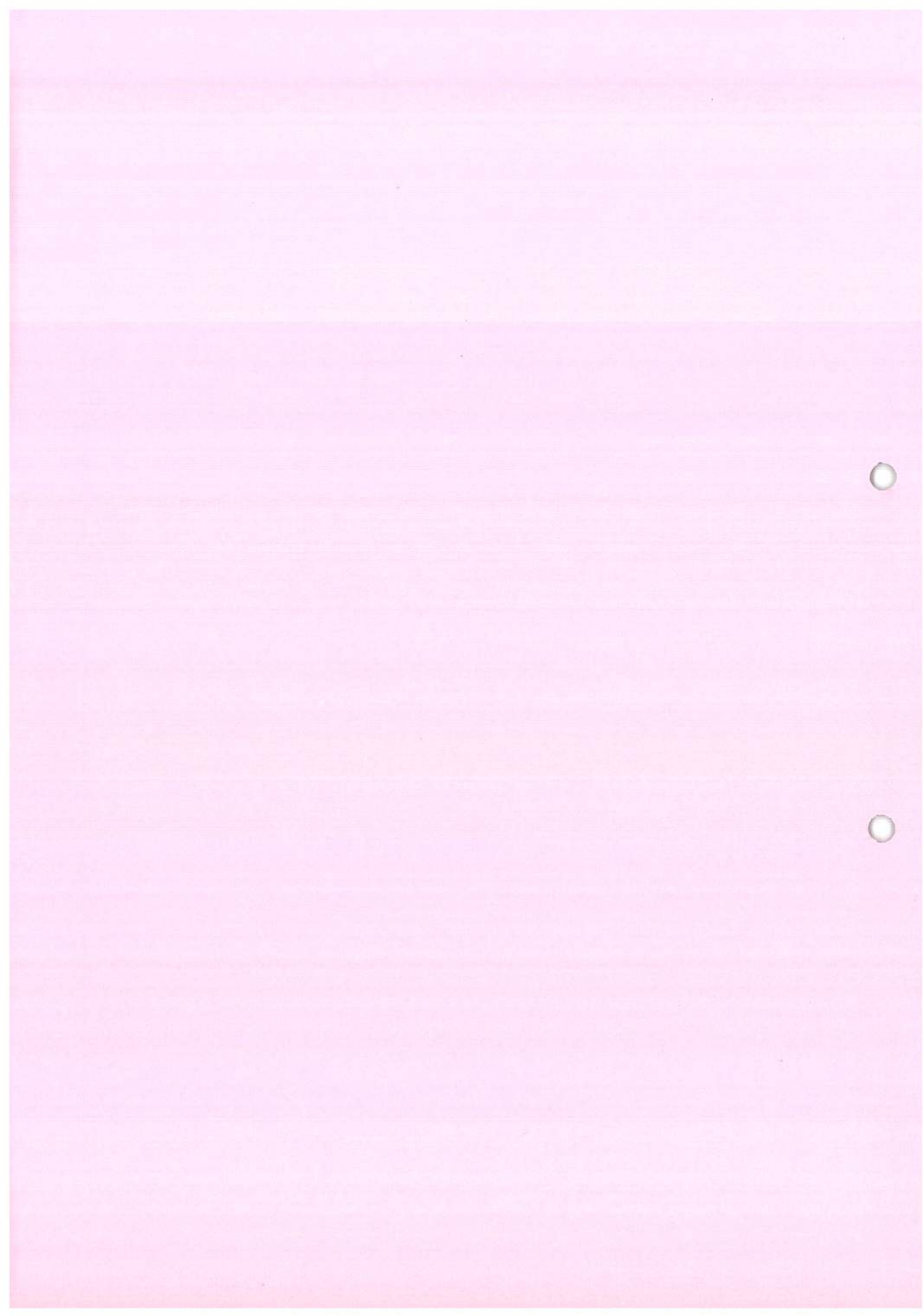
Nguyễn Hương Ly

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN XÂY LẮP 1 - PETROLIMEX**



**11. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM 2024**

Hưng Yên, Ngày 28 tháng 4 năm 2025



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP I - PETROLIMEX

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 44
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex (sau đây được gọi là "Công ty") là doanh nghiệp chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1519/QĐ - TTg ngày 30/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000827 ngày 08/02/2002. Công ty thay đổi mã số doanh nghiệp là 0100108180 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 28/11/2014. Ngày 01/08/2018, Công ty thay đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex theo đăng ký thay đổi lần thứ 17, đăng ký kinh doanh thay đổi mới nhất lần thứ 20 ngày 17/03/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Minh Tâm	Chủ tịch
Ông Trần Công Hữu	Thành viên
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phạm Thành Công	Thành viên
Ông Vũ Duy Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên
Ông Phùng Ngọc Quang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2024)
Ông Trương Hùng Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2024)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Công Hữu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thành Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Duy Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đinh Viết Tiến	Trưởng ban
Bà Lưu Thị Việt Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Hà Nam	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Phạm Minh Tâm – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ông Trần Công Hữu – Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex

Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Trần Công Hữu

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 16 tháng 04 năm 2024.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Anh Ngọc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1437-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		759.138.671.920	688.613.766.640
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	89.362.796.812	75.478.399.975
111	1. Tiền		89.362.796.812	72.931.618.115
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.546.781.860
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	17.538.236.983	13.744.106.600
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		17.538.236.983	13.744.106.600
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		509.394.035.016	400.405.128.097
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	400.351.556.757	335.786.518.900
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	55.606.460.584	47.649.319.863
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	428.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	106.561.896.215	61.326.594.983
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(53.682.759.525)	(44.486.186.634)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		128.880.985	128.880.985
140	IV. Hàng tồn kho		141.318.148.337	193.843.261.021
141	1. Hàng tồn kho	10	141.687.139.620	193.843.261.021
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(368.991.283)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.525.454.772	5.142.870.947
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	527.414.329	236.094.030
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		851.774.152	4.765.680.386
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	146.266.291	141.096.531
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		517.084.303.661	481.429.578.228
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.640.391.997	3.332.340.882
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	2.640.391.997	3.332.340.882
220	II. Tài sản cố định		194.404.826.254	193.766.291.144
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	165.438.229.896	159.818.068.024
222	- Nguyên giá		596.524.763.454	565.853.135.090
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(431.086.533.558)	(406.035.067.066)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	28.966.596.358	33.948.223.120
225	- Nguyên giá		34.860.916.825	55.309.845.141
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.894.320.467)	(21.361.622.021)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	-	-
228	- Nguyên giá		120.000.000	120.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(120.000.000)	(120.000.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		316.828.298.821	281.810.736.884
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	316.828.298.821	281.810.736.884
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.125.000.000	1.450.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.500.000.000	2.500.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.375.000.000)	(1.050.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.085.786.589	1.070.209.318
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	2.085.786.589	1.070.209.318
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.276.222.975.581	1.170.043.344.868

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

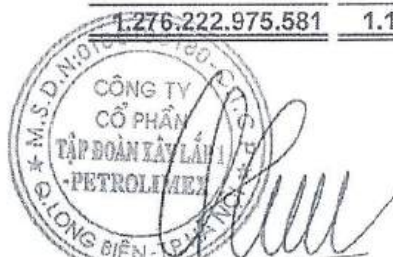
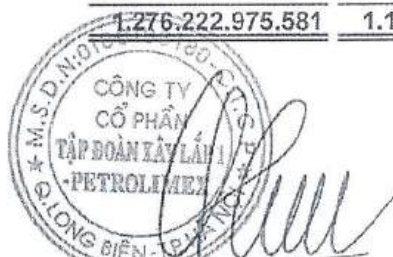
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.018.781.279.648	920.984.811.224
310	I. Nợ ngắn hạn		698.577.730.031	615.502.554.739
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	184.664.928.225	139.642.392.913
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	75.873.935.469	80.111.032.982
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	23.918.030.034	19.972.594.993
314	4. Phải trả người lao động		29.571.998.852	23.963.272.055
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	51.479.763.473	57.123.918.017
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	5.652.842.500	4.799.735.617
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	69.181.778.092	15.913.527.312
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	222.155.033.799	237.546.841.254
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	24.758.500.672	20.320.063.879
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		11.320.918.915	16.109.175.717
330	II. Nợ dài hạn		320.203.549.617	305.482.256.485
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	22	11.017.977.809	13.132.583.363
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	281.199.444.358	269.244.291.157
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	24.494.980.464	20.374.074.178
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35	3.491.146.986	2.731.307.787
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		257.441.695.933	249.058.533.644
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	257.441.695.933	249.058.533.644
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		115.000.000.000	115.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		115.000.000.000	115.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(61.393.691)	(61.393.691)
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.948.780.816	1.948.780.816
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		107.272.257.867	106.400.503.730
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.358.002.339	15.668.364.179
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(2.152.689.494)	(1.789.924.139)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		25.510.691.833	17.458.288.318
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		9.924.048.602	10.102.278.610
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.276.222.975.581	1.170.043.344.868



Lê Thị Minh Huệ
Người lập biểu



Lê Huy Thành
Kế toán trưởng

Trần Công Hữu
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	1.193.445.981.480	907.354.337.924
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	53.195.455
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.193.445.981.480	907.301.142.469
11	4. Giá vốn hàng bán	27	1.073.093.226.175	796.231.615.218
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		120.352.755.305	111.069.527.251
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	901.962.804	367.975.599
22	7. Chi phí tài chính	29	20.330.210.849	18.837.509.598
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		19.985.184.966	18.795.734.381
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	30	8.709.391.325	8.026.967.394
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	55.065.013.675	56.761.088.131
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		37.150.102.260	27.811.937.727
31	12. Thu nhập khác	32	922.633.604	918.527.423
32	13. Chi phí khác	33	2.698.940.845	1.489.502.803
40	14. Lợi nhuận khác		(1.776.307.241)	(570.975.380)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		35.373.795.019	27.240.962.347
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34	8.132.498.187	7.517.699.274
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35	759.839.200	1.136.441.474
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		26.481.457.632	18.586.821.599
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		25.510.691.833	17.666.351.686
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		970.765.799	920.469.913
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	2.218	1.536


Lê Thị Minh Huệ
Người lập biểu


Lê Huy Thành
Kế toán trưởng



Trần Công Hữu
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		35.373.795.019	27.240.962.347
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		29.259.717.890	26.859.590.180
03	- Các khoản dự phòng		14.329.000.967	23.214.529.479
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(202.398)	(322.327)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(901.760.406)	(863.877.992)
06	- Chi phí lãi vay		19.985.184.966	18.783.776.162
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		98.045.736.038	95.234.657.849
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(112.794.787.322)	(35.953.969.045)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		52.156.121.401	25.031.977.753
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		110.622.382.898	(86.268.261.117)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(1.306.897.570)	65.168.776
14	- Tiền lãi vay đã trả		(20.519.732.400)	(18.882.428.019)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.665.488.544)	(4.806.252.935)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.636.552.145)	(1.119.899.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		112.900.782.356	(26.699.005.738)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(61.554.532.149)	(21.024.154.473)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		11.208.947.824	272.727.272
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(26.887.670.235)	(10.206.869.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		22.833.211.041	1.531.762.400
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		701.911.745	250.639.809
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(53.698.131.774)	(29.175.893.992)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		268.408.103.007	350.086.471.774
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(283.619.432.217)	(217.884.314.682)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(12.786.754.133)	(11.395.206.970)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.320.372.800)	(12.638.665.574)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(45.318.456.143)	108.168.284.548
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		13.884.194.439	52.293.384.818

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		75.478.399.975	23.184.692.830
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		202.398	322.327
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	89.362.796.812	75.478.399.975

Lê Thị Minh Huệ
Người lập biểu

Lê Huy Thành
Kế toán trưởng

Trần Công Hữu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex (sau đây được gọi là "Công ty") là doanh nghiệp chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1519/QĐ - TTg ngày 30/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000827 ngày 08/02/2002. Công ty thay đổi mã số doanh nghiệp là 0100108180 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 28/11/2014. Ngày 01/08/2018, Công ty thay đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex theo đăng ký thay đổi lần thứ 17, đăng ký kinh doanh thay đổi mới nhất lần thứ 20 ngày 17/03/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 115.000.000.000 VND, tương đương 11.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 508 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 502 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp; gia công chế tạo cơ khí và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Hoạt động xây lắp; Gia công chế tạo sản phẩm cơ khí; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Kinh doanh xăng dầu; Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Kinh doanh bất động sản.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (đồng thời là Tỷ lệ quyền biểu quyết)	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty TNHH Bê tông & Xây lắp Petrolimex	Hưng Yên	93,24%	Sản xuất, kinh doanh bê tông thương phẩm, cọc bê tông dự ứng lực
2. Công ty Cổ phần Bãi đỗ xe tự động PCC-1 NISSEITIC	Hà Nội	51,00%	Nhập khẩu, sản xuất, lắp đặt hệ thống, thiết bị bãi đỗ xe tự động
3. Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội	Hà Nội	100,00%	Hoạt động xây lắp, gia công cơ khí
4. Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn	Hồ Chí Minh	100,00%	Hoạt động xây lắp, gia công cơ khí
5. Công ty TNHH MTV PCC-1 Chế tạo bồn bể - Ống công nghệ & Kết cấu thép	Hưng Yên	100,00%	Gia công cơ khí, chế tạo bồn bể
6. Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1	Hưng Yên	100,00%	Sản xuất đồ gỗ xây dựng, bao bì bằng gỗ, các sản phẩm từ plastic
7. Công ty Cổ phần PCC-1 Homes	Hà Nội	60,00%	Kinh doanh bất động sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;

- Thời gian phân bổ của chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 06 năm
- Các tài sản khác	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 .Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh bất động sản, BCC phân chia sản phẩm.

2.15 .Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 02 năm;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 02 năm.

2.16 .Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 .Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

2.18 .Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí xây lắp, chi phí lãi tiền vay phải trả,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập từ 3% đến 5% giá trị công trình dựa trên đặc điểm của từng công trình và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.21 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền khách hàng đã trả trước cho nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.22 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.23 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.24 . Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
- Chi phí hoạt động tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

c. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	4.995.024.904	1.957.169.503
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	84.367.771.908	70.974.448.612
Các khoản tương đương tiền	-	2.546.781.860
	89.362.796.812	75.478.399.975

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	330.337.998.024	(45.051.907.173)	335.786.518.900	(38.950.322.280)
- Công ty Cổ phần PME	27.906.917.238	-	-	-
- Cục Xăng dầu - Tổng cục Hậu cần	30.102.009.929	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư phát triển xây dựng Đức Tâm	7.161.616.380	-	10.727.299.324	-
- Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	10.535.027.024	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec)	9.631.591.368	-	-	-
- Công ty Cổ phần Vimeco	15.939.248.071	-	2.814.452.975	-
- Công ty TNHH Xây dựng Chitchareune	13.292.650.835	-	13.292.650.835	-
- Các khách hàng khác	215.768.937.179	(45.051.907.173)	308.952.115.766	(38.950.322.280)
	400.351.556.757	(45.051.907.173)	335.786.518.900	(38.950.322.280)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	55.182.634.689	(3.779.941.128)	47.649.319.863	(3.011.040.586)
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Tuấn Linh	-	-	3.533.252.250	-
- Công ty TNHH Việt Dân	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cầu trục và Thiết bị AVC	7.197.210.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thiết bị đường ống Xinfengda	1.802.675.072	-	2.905.626.151	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ và Dịch vụ tự động hóa	6.865.663.527	-	3.520.115.975	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ máy Trí Việt	5.355.240.000	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác	32.961.846.090	(3.779.941.128)	36.690.325.487	(3.011.040.586)
	55.606.460.584	(3.779.941.128)	47.649.319.863	(3.011.040.586)

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị
	VND		VND	VND	VND
Bên liên quan					
Ông Đỗ Khắc Thiệm	-	878.000.000	450.000.000		428.000.000
	-	878.000.000	450.000.000		428.000.000

Khoản cho vay với thời hạn 12 tháng, lãi suất 7,5%/năm với mục đích cho vay phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh hoặc các mục đích khác phù hợp với quy định của pháp luật. Hình thức bảo đảm khoản cho vay là tín chấp.

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
- Bảo hiểm phải thu người lao động	4.535.126.530	-	4.632.842.053	-
- Tạm ứng	35.591.719.903	(4.850.911.224)	38.533.958.797	(2.524.823.768)
- Kỳ cược, kỳ quỹ	3.685.063.105	-	5.391.748.960	-
- Lãi tiền gửi	139.155.554	-	106.978.082	-
- Các khoản chi hộ thầu phụ	53.597.620.789	-	4.002.647.638	-
- Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	1.020.783.172	-	1.306.852.428	-
- Phải thu khác	7.992.427.162	-	7.351.567.025	-
	106.561.896.215	(4.850.911.224)	61.326.594.983	(2.524.823.768)
Dài hạn				
- Kỳ cược, kỳ quỹ	2.024.493.084	-	3.332.340.882	-
- Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	615.898.913	-	-	-
	2.640.391.997	-	3.332.340.882	-

(*) Các khoản chi hộ cho các thầu phụ của đối tác là Công ty Cổ phần PME theo hợp đồng liên danh, được sử dụng từ khoản nhận hộ đối tác này (Thuyết minh 21).

9 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	137.020.531.986	91.968.624.813	42.235.633.857	3.285.311.577
- Trường Cao đẳng Du lịch và Thương mại	2.405.649.443	-	2.405.649.443	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải	2.788.454.213	-	2.788.454.213	-
- Petrolimex (Laos) SOLE Co., Ltd	1.670.802.120	10.157.577	1.660.644.543	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí	2.789.092.560	-	2.789.092.560	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hà Minh Đức	4.115.057.400	2.880.540.180	-	-
- Xí nghiệp Xây lắp 33 - Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	2.830.180.000	-	2.830.180.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thịnh Phát - CN Hưng Yên	2.012.868.500	-	2.012.868.500	-
- Các khách hàng khác	118.408.427.750	89.077.927.056	27.748.744.598	3.285.311.577

9 . NỢ XẤU (tiếp theo)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.047.580.283	267.639.155	6.338.385.066	3.327.344.480
- Công ty TNHH MTV Anh Đức	153.698.642	-	153.698.642	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng CIP	130.000.000	-	130.000.000	-
- Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp Thiên Trường	379.760.000	-	379.760.000	-
- Công ty TNHH Cửa Việt Đại An	187.828.212	-	187.828.212	42.747.148
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển xây dựng Phúc Thành	100.000.000	-	100.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	3.096.293.429	267.639.155	5.387.098.212	3.284.597.332
Tạm ứng	6.884.163.619	2.033.252.395	6.338.385.066	3.813.561.298
- Ông Nguyễn Văn Quỳnh	2.353.119.027	600.209.877	2.385.818.300	1.192.909.150
- Bà Trần Hồng Quế	902.623.000	300.836.100	902.623.000	631.836.100
- Ông Vũ Ngọc Dũng	943.284.970	660.299.479	943.284.970	660.299.479
- Các đối tượng khác	2.685.136.622	471.906.939	2.106.658.796	1.328.516.569
	147.952.275.888	94.269.516.363	54.912.403.989	10.426.217.355

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	16.604.835.561	-	32.355.246.616	-
- Công cụ, dụng cụ	1.593.350.207	-	200.400.431	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	107.991.123.710	-	160.594.247.072	-
- Thành phẩm	14.850.787.359	(368.991.283)	-	-
- Hàng hóa	647.042.783	-	693.366.902	-
	141.687.139.620	(368.991.283)	193.843.261.021	-

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
- Dự án Khu nhà ở dịch vụ xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	(1)	308.182.591.267	264.976.468.297
- Xây dựng nhà điều hành Công ty		-	12.430.852.589
- Tổ hợp dịch vụ, thương mại, văn phòng và nhà ở	(2)	2.157.039.184	2.062.014.063
- Cải tạo công nghệ Nhà máy cọc bê tông ly tâm ứng lực trước - Petrolimex giai đoạn 2	(3)	4.021.639.787	-
- Các công trình sửa chữa và xây dựng khác		2.467.028.583	2.341.401.935
		316.828.298.821	281.810.736.884

(1) Dự án Xây dựng Khu nhà ở dịch vụ xã cổ Bi, huyện Gia Lâm được thực hiện theo Giấy chứng nhận đầu tư và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội do Công ty làm chủ đầu tư với tổng vốn đầu tư 541 tỷ VND. Tổng diện tích thực hiện dự án là 32.494 m2.

- Tiến độ thực hiện dự án:

+ Giai đoạn chuẩn bị đầu tư (hoàn thiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, đất đai,...): Từ quý III/2021 đến quý IV/2021;

+ Giai đoạn thực hiện đầu tư: Từ quý I/2022 đến quý II/2024;

+ Giai đoạn kết thúc đầu tư và đưa vào sử dụng: Từ quý II/2024.

- Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

- Đến ngày 31/12/2024, dự án đã hoàn thành cơ bản các hạng mục hạ tầng như hệ thống đường, hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng, cảnh quan, cây xanh,...

(2) Dự án Tổ hợp dịch vụ thương mại, văn phòng và nhà ở có tổng diện tích 11.859,8 m2 tại: khu đất 157 đường Đức Giang, tổ 17, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội. Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội chấp thuận tổng mặt bằng.

(3) Hạng mục Cải tạo, mở rộng nâng cấp công suất nhà máy cọc - Petrolimex theo Quyết định số 01/QĐ-PCC-HĐTV ngày 10/10/2024 của Công ty TNHH Bê tông và Xây lắp Petrolimex:

- Tổng mức đầu tư là 111.000.000.000 VND;

- Công ty đã tiến hành đầu tư xây dựng "Nhà máy cọc bê tông ly tâm ứng lực trước - Petrolimex" và đi vào hoạt động từ tháng 3 năm 2020. Do nhu cầu sản xuất, việc nâng cao năng suất xây dựng là cần thiết, Công ty thực hiện cải tạo công nghệ nhà máy cọc;

- Đến thời điểm 31/12/2024, dự án đang ở giai đoạn xây dựng, thực hiện được khoảng 70% kế hoạch và dự kiến hoàn thiện trước tháng 04 năm 2025.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 02.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	25.946.424.664	29.363.420.477	55.309.845.141
- Thuê tài chính trong năm	14.943.917.166	509.250.000	15.453.167.166
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(11.531.091.372)	(24.371.004.110)	(35.902.095.482)
Số dư cuối năm	29.359.250.458	5.501.666.367	34.860.916.825
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	8.756.487.479	12.605.134.542	21.361.622.021
- Khấu hao trong năm	4.577.716.998	2.739.611.416	7.317.328.414
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(9.086.486.269)	(13.698.143.699)	(22.784.629.968)
Số dư cuối năm	4.247.718.208	1.646.602.259	5.894.320.467
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	17.189.937.185	16.758.285.935	33.948.223.120
Tại ngày cuối năm	25.111.532.250	3.855.064.108	28.966.596.358

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán có nguyên giá là 120.000.000 VND, đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	289.313.180	63.277.576
- Phí bảo hiểm tài sản	165.326.115	93.358.010
- Các khoản khác	72.775.034	79.458.444
	527.414.329	236.094.030
Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.621.837.640	743.713.972
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	121.465.472	160.450.900
- Phí bảo hiểm tài sản	197.842.995	111.620.678
- Các khoản khác	144.640.482	54.423.768
	2.085.786.589	1.070.209.318

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 03.

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên khác	184.664.928.225	184.664.928.225	139.642.392.913	139.642.392.913
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng và thương mại Sài Gòn	3.016.005.306	3.016.005.306	-	-
- Công ty Cổ phần PME	9.456.416.333	9.456.416.333	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển đầu tư và xây dựng Long Giang 3B	3.921.391.563	3.921.391.563	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và thương mại Minh Ngọc	3.753.408.600	3.753.408.600	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và dịch vụ Thăng Long	19.599.891.960	19.599.891.960	18.603.656.410	18.603.656.410
- Công ty TNHH Vật liệu Hà Nam	23.201.948.806	23.201.948.806	17.189.274.054	17.189.274.054
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thiên Phú Thành Phát	18.733.737.802	18.733.737.802	13.366.129.500	13.366.129.500
- Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Bảo Loan	7.989.832.157	7.989.832.157	3.317.444.682	3.317.444.682
- Các nhà cung cấp khác	94.992.295.698	94.992.295.698	87.165.888.267	87.165.888.267
	184.664.928.225	184.664.928.225	139.642.392.913	139.642.392.913

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Bên khác	75.873.935.469	80.111.032.982
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc Tế	13.621.500.000	11.594.404.239
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đất Việt (*)	43.530.732.000	-
- Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Nam Sách	2.151.164.000	-
- Quân chủng Hải quân	4.412.987.000	12.280.830.000
- Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	-	23.817.839.793
- Công ty xăng dầu Tuyên Quang - Công ty TNHH MTV	-	1.050.000.000
- Các khách hàng khác	12.157.552.469	31.367.958.950
	75.873.935.469	80.111.032.982

(*) Khoản trả trước theo tiến độ của các hợp đồng mua bán bất động sản liên quan đến Dự án Khu nhà ở dịch vụ xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm.

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 04.

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	350.805.852	885.353.286
- Trích trước chi phí công trình	49.793.542.179	55.931.355.818
- Các khoản khác	1.335.415.442	307.208.913
	51.479.763.473	57.123.918.017

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	6.696.758.473	8.307.637.408
- Bảo hiểm xã hội	299.747.604	2.636.617.807
- Bảo hiểm y tế	76.186.473	389.925.438
- Bảo hiểm thất nghiệp	38.934.381	259.747.304
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	130.000.000	130.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	405.511.155	475.883.955
- Phải trả tiền nhận hộ thầu phụ (*)	55.725.947.337	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.808.692.669	3.713.715.400
	69.181.778.092	15.913.527.312
Dài hạn		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Videc - Phải trả về hợp tác kinh doanh (**)	280.916.419.660	269.040.976.187
- Phải trả tiền mượn	283.024.698	203.314.970
	281.199.444.358	269.244.291.157

(*) Khoản phải trả Công ty Cổ phần PME do nhận hộ tiền thanh toán từ chủ đầu tư theo hợp đồng liên danh và được dùng để chi trả hộ cho các thầu phụ của đối tác này (Thuyết minh 8).

(*) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Videc góp vốn liên quan tới Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và đối tác này về việc đầu tư thực hiện Dự án "Xây dựng khu nhà ở dịch vụ xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội" (Thuyết minh 11).

Theo hợp đồng này, Công ty là chủ đầu tư thực hiện Dự án, Công ty Cổ phần Tập đoàn Videc góp vốn với Công ty để đầu tư, xây dựng và khai thác, kinh doanh Dự án. Lợi nhuận được phân chia cố định cho Công ty theo sản phẩm hình thành của Dự án.

22 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Ngắn hạn		
- Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên - Cho thuê cửa hàng xăng dầu	800.000.000	800.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Thuê văn phòng	747.735.740	713.918.326
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội - Doanh thu cho thuê tài chính	4.057.373.736	3.285.817.291
- Các khách hàng khác	47.733.024	-
	5.652.842.500	4.799.735.617

22 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN (tiếp theo)

	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Dài hạn		
- Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên - Cho thuê cửa hàng xăng dầu	2.400.000.000	3.200.000.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội - Doanh thu cho thuê tài chính	8.617.977.809	9.932.583.363
	11.017.977.809	13.132.583.363

23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	24.758.500.672	20.320.063.879
	24.758.500.672	20.320.063.879

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Xem chi tiết Phụ lục 05.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	34.502.020.000	30,00	34.502.020.000	30,00
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	11.500.660.000	10,00	11.500.660.000	10,00
- Ông Phạm Minh Tâm	12.000.000.000	10,44	12.000.000.000	10,44
- Các cổ đông khác	56.997.320.000	49,56	56.997.320.000	49,56
	115.000.000.000	100,00	115.000.000.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	115.000.000.000	115.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	115.000.000.000	115.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	475.883.955	11.705.102.660
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	17.250.000.000	11.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	17.250.000.000	11.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(17.320.372.800)	(22.729.218.705)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(17.320.372.800)	(22.729.218.705)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	405.511.155	475.883.955

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	11.500.000	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.500.000	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

e. Các quỹ của công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	107.272.257.867	106.400.503.730

25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội và tỉnh Hưng Yên như sau:

Vị trí	Diện tích	Mục đích thuê	Thời hạn thuê	Tiền thuê
Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên	17.144 m2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	50 năm từ ngày 01/01/2004	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội	560 m2	Làm văn phòng	50 năm từ ngày 01/01/1996	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

Ngoại tệ các loại

	Ký hiệu	31/12/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ	USD	358,57	160,49
- Đồng tiền chung Châu Âu (Euro)	EUR	100,56	100,56
- Đô la Singapore	SGD	119,95	-
- Đô la Canada	CAD	97,70	-

26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	36.959.551.879	43.103.434.718
Doanh thu bán thành phẩm	143.670.580.917	273.857.098.911
Doanh thu cung cấp dịch vụ	83.508.293.919	56.610.599.183
Doanh thu cọc bê tông dự ứng lực	180.855.106.982	173.849.352.170
Doanh thu hợp đồng xây dựng	748.452.447.783	359.933.852.942
	1.193.445.981.480	907.354.337.924

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	29.926.537.957	35.284.424.500
Giá vốn của thành phẩm đã bán	123.058.415.909	249.188.809.946
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	66.721.669.690	43.826.277.708
Giá vốn cọc bê tông dự ứng lực	156.465.712.540	147.811.197.967
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	696.551.898.796	320.120.905.097
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	368.991.283	-
	1.073.093.226.175	796.231.615.218

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	901.760.406	366.419.552
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	1.233.720
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	202.398	322.327
	901.962.804	367.975.599

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	19.985.184.966	18.795.734.381
Lãi chậm trả cổ tức	-	137.345.110
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	18.368.569	73.225.742
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	325.000.000	(175.000.000)
Chi phí khác	1.657.314	6.204.365
	20.330.210.849	18.837.509.598

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	166.629.653	98.230.086
Chi phí nhân công	3.540.071.714	4.094.484.048
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	-	22.083.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.331.312	65.331.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.896.138.646	3.742.011.859
Chi phí khác bằng tiền	41.220.000	4.826.753
	8.709.391.325	8.026.967.394

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.996.310.036	1.903.373.323
Chi phí nhân công	26.893.479.407	26.395.094.995
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	570.801.004	472.121.461
Chi phí khấu hao tài sản cố định	561.606.256	1.260.874.974
Thuế, phí, và lệ phí	548.080.910	143.245.896
Chi phí dự phòng	9.235.778.691	13.654.187.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.143.015.282	4.864.419.787
Chi phí khác bằng tiền	9.115.942.089	8.067.770.328
	55.065.013.675	56.761.088.131

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	392.318.186	272.727.272
Thu nhập từ bán và thuê lại tài sản	-	20.000.000
Tiền phạt thu được	-	187.507.486
Xử lý công nợ phải trả	366.231.871	-
Thu nhập khác	164.083.547	438.292.665
	922.633.604	918.527.423

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Phạt vi phạm hợp đồng	600.000.000	237.530.697
Lãi chậm nộp thuế, bảo hiểm	190.358.320	585.998.644
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.894.339.512	379.539.380
Chi phí khác	14.243.013	286.434.082
	2.698.940.845	1.489.502.803

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	3.052.240.821	2.240.917.538
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	5.080.257.366	5.276.781.736
- Công ty TNHH Bê tông & Xây lắp Petrolimex	4.544.951.857	4.806.510.111
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội	262.544.304	289.363.660
- Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1	272.761.205	180.907.965
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.132.498.187	7.517.699.274

35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.491.146.986	2.731.307.787
	3.491.146.986	2.731.307.787

b. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	759.839.200	1.136.441.474
	759.839.200	1.136.441.474

36 . LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	25.510.691.833	17.666.351.686
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	25.510.691.833	17.666.351.686
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.500.000	11.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.218	1.536

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

37 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	605.504.272.174	469.870.405.895
Chi phí nhân công	111.212.104.166	75.273.442.712
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.259.717.890	26.859.590.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.636.748.071	234.652.949.056
Chi phí khác bằng tiền	32.971.144.940	28.507.894.458
	1.059.583.987.241	835.164.282.301

38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Trên 5 năm
	VND
Tại ngày 31/12/2024	
Đầu tư dài hạn	1.125.000.000
	1.125.000.000
Tại ngày 01/01/2024	
Đầu tư dài hạn	1.450.000.000
	1.450.000.000

38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.367.771.908	-	84.367.771.908
Phải thu khách hàng, phải thu khác	457.010.634.575	2.640.391.997	459.651.026.572
Các khoản cho vay	17.538.236.983	-	17.538.236.983
	558.916.643.466	2.640.391.997	561.557.035.463
Tại ngày 01/01/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.521.230.472	-	73.521.230.472
Phải thu khách hàng, phải thu khác	355.637.967.835	3.332.340.882	358.970.308.717
Các khoản cho vay	13.744.106.600	-	13.744.106.600
	442.903.304.907	3.332.340.882	446.235.645.789

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024			
Vay và nợ	222.155.033.799	24.494.980.464	246.650.014.263
Phải trả người bán, phải trả khác	253.846.706.317	281.199.444.358	535.046.150.675
Chi phí phải trả	51.479.763.473	-	51.479.763.473
	527.481.503.589	305.694.424.822	833.175.928.411

38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024			
Vay và nợ	237.546.841.254	20.374.074.178	257.920.915.432
Phải trả người bán, phải trả khác	155.555.920.225	269.244.291.157	424.800.211.382
Chi phí phải trả	57.123.918.017	-	57.123.918.017
	450.226.679.496	289.618.365.335	739.845.044.831

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

39 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	285.135.285.181	242.718.374.904
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	296.406.186.350	114.882.061.400

40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

41 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Xây lắp VND	Cung cấp dịch vụ VND	Bán hàng hóa và thành phẩm VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	748.452.447.783	83.508.293.919	361.485.239.778	1.193.445.981.480
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	51.900.548.987	16.786.624.229	52.034.573.372	120.721.746.588
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	41.157.228.936
Tài sản bộ phận	873.181.484.685	10.230.654.081	284.784.803.020	1.168.196.941.786
Tài sản không phân bổ				108.026.033.795
Tổng tài sản	873.181.484.685	10.230.654.081	284.784.803.020	1.276.222.975.581
Nợ phải trả bộ phận	767.593.328.110	5.447.550.591	220.981.900.275	994.022.778.976
Nợ phải trả không phân bổ				24.758.500.672
Tổng nợ phải trả	767.593.328.110	5.447.550.591	220.981.900.275	1.018.781.279.648

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

42 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Cổ đông lớn
Ông Đỗ Khắc Thiệm	Tổng Giám đốc công ty con
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	4.812.634.429	4.994.304.632
- Ông Phạm Minh Tâm	995.046.811	932.018.729
- Bà Nguyễn Thị Hương Giang	134.400.000	226.800.000
- Ông Phùng Ngọc Quang	89.600.000	-
- Ông Trương Hùng Sơn	44.800.000	226.800.000
- Ông Trần Công Hữu	824.325.542	842.515.703
- Ông Lê Quốc Bình	134.400.000	226.800.000
- Ông Phạm Thành Công	624.862.300	679.545.153
- Ông Vũ Duy Hải	700.154.628	729.192.606
- Bà Phạm Thị Kim Chi	517.580.793	477.296.036
- Ông Đinh Viết Tiến	132.672.908	166.578.322
- Bà Lưu Thị Việt Hương	248.997.248	177.413.686
- Ông Nguyễn Hà Nam	365.794.199	309.344.397

Ngoài giao dịch với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

43 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán.

43 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 theo Quyết định số 10271/QĐ-CTHN-TTKT7-XPVPHC ngày 28/02/2025 của Cục thuế Thành phố Hà Nội. Theo đó một số chỉ tiêu được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	3.301.918.707	4.799.735.617	1.497.816.910	(1)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.273.131.216	19.972.594.993	2.699.463.777	(2)
- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	14.630.400.273	13.132.583.363	(1.497.816.910)	(1)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	-	(1.789.924.139)	(1.789.924.139)	(2)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	18.367.827.956	17.458.288.318	(909.539.638)	(2)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.608.159.636	7.517.699.274	909.539.638	(2)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	19.496.361.237	18.586.821.599	(909.539.638)	(2)

(1) Phân loại lại doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn - dài hạn.

(2) Ghi nhận bổ sung thuế TNDN và thuế GTGT theo Quyết định của cơ quan thuế.



Lê Thị Minh Huệ
Người lập biểu



Lê Huy Thành
Kế toán trưởng



Trần Công Hữu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Phụ lục 01: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn	17.538.236.983	-	13.744.106.600	-
	<u>17.538.236.983</u>	-	<u>13.744.106.600</u>	-

Tiền gửi có kỳ hạn từ 04 đến 06 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 1,8% đến 4,7%/năm. Số dư tiền gửi có kỳ hạn được thế chấp đảm bảo khoản vay tại ngân hàng là 2.000.000.000 VND (Thuyết minh số 16 - Phụ lục 3 - Sít 1).

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024				01/01/2024			
	Mã CK	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	PLA	2.500.000.000	1.125.000.000	(1.375.000.000)	2.500.000.000	1.450.000.000	(1.050.000.000)	
		<u>2.500.000.000</u>	<u>1.125.000.000</u>	<u>(1.375.000.000)</u>	<u>2.500.000.000</u>	<u>1.450.000.000</u>	<u>(1.050.000.000)</u>	

Chứng khoán kinh doanh niêm yết trên sàn UpCom, biến động thường xuyên theo giá trị thị trường và giá trị của chúng có thể được xác định một cách đáng tin cậy, giá trị hợp lý là giá đóng cửa trên thị trường tại thời điểm cuối năm lập Báo cáo tài chính (tài ngày 29/12/2023 và ngày 31/12/2024).

Thông tin chi tiết về công ty nhận đầu tư của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	Hà Nội	2,50%	Kinh doanh và cho thuê hạ tầng xăng dầu.

Phụ lục 02 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	208.967.393.321	233.093.875.373	113.847.867.964	9.089.660.660	854.337.772	565.853.135.090
- Mua trong năm	-	6.139.666.999	-	-	-	6.139.666.999
- Đầu tư XDCB hoàn thành	16.550.008.641	3.567.043.441	-	-	-	20.117.052.082
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	26.609.196.613	9.573.150.000	-	-	36.182.346.613
- Thanh lý, nhượng bán	(1.562.370.793)	(26.973.605.892)	(2.886.005.682)	(345.454.963)	-	(31.767.437.330)
Số dư cuối năm	223.955.031.169	242.436.176.534	120.535.012.282	8.744.205.697	854.337.772	596.524.763.454
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	106.107.207.601	178.114.001.749	111.891.338.677	9.068.181.267	854.337.772	406.035.067.066
- Khấu hao trong năm	8.329.162.179	12.413.462.137	1.178.160.993	21.604.167	-	21.942.389.476
- Tăng do mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	13.577.103.106	9.207.526.862	-	-	22.784.629.968
- Thanh lý, nhượng bán	(1.562.370.793)	(14.881.721.514)	(2.886.005.682)	(345.454.963)	-	(19.675.552.952)
Số dư cuối năm	112.873.998.987	189.222.845.478	119.391.020.850	8.744.330.471	854.337.772	431.086.533.558
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	102.860.185.720	54.979.873.624	1.956.529.287	21.479.393	-	159.818.068.024
Tại ngày cuối năm	111.081.032.182	53.213.331.056	1.143.991.432	(124.774)	-	165.438.229.896

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 222.180.844.245 VND.

Phụ lục 03 : VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Số có khả năng trả nợ				Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	VND
a. Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	222.388.150.821	222.388.150.821	265.667.389.325	277.068.050.826	210.987.489.320	210.987.489.320
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	3.606.158.095	3.606.158.095	-	-
- Chi nhánh Chương Dương	5.278.681.220	5.278.681.220	-	5.278.681.220	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Lý Nam Đế	48.271.393.473	48.271.393.473	70.749.976.334	76.759.412.844	42.261.956.963	42.261.956.963
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và phát triển Chi nhánh Thăng Long	155.228.076.128	155.228.076.128	163.400.278.030	166.378.200.853	152.250.153.305	152.250.153.305
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh Phố Hiến	13.610.000.000	13.610.000.000	21.810.976.866	25.045.597.814	10.375.379.052	10.375.379.052
- Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	-	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Thanh Trì	-	-	4.600.000.000	-	4.600.000.000	4.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả						
- Vay cá nhân	7.217.357.978	7.217.357.978	3.577.333.231	6.551.381.391	4.243.309.818	4.243.309.818
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và phát triển Chi nhánh Thăng Long	1.000.000.000	1.000.000.000	1.498.181.814	999.999.996	1.498.181.818	1.498.181.818
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và phát triển Chi nhánh Thăng Long	3.411.908.000	3.411.908.000	2.078.437.735	2.745.217.735	2.745.128.000	2.745.128.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh Phố Hiến	2.654.000.000	2.654.000.000	-	2.654.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Hưng Yên	151.449.978	151.449.978	713.682	152.163.660	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả						
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chaillease - Chi nhánh Hà Nội	7.941.332.455	7.941.332.455	6.991.519.288	8.008.617.082	6.924.234.661	6.924.234.661
	7.941.332.455	7.941.332.455	6.991.519.288	8.008.617.082	6.924.234.661	6.924.234.661
	237.546.841.254	237.546.841.254	276.236.241.844	291.628.049.299	222.155.033.799	222.155.033.799

Phụ lục 03 : VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b. Vay dài hạn						
Vay dài hạn						
- Vay cá nhân						
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và phát triển	16.845.345.085	16.845.345.085	2.740.713.682	6.551.381.391	13.034.677.376	13.034.677.376
Chi nhánh Thăng Long	3.500.000.004	3.500.000.004	2.740.000.000	999.999.996	5.240.000.008	5.240.000.008
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	10.539.895.103	10.539.895.103	-	2.745.217.735	7.794.677.368	7.794.677.368
Chi nhánh Phố Hiến	2.654.000.000	2.654.000.000	-	2.654.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	151.449.978	151.449.978	713.682	152.163.660	-	-
Chi nhánh Hưng Yên						
Nợ thuế tài chính dài hạn						
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV	18.687.419.526	18.687.419.526	16.727.182.174	12.786.754.133	22.627.847.567	22.627.847.567
quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	18.687.419.526	18.687.419.526	16.727.182.174	12.786.754.133	22.627.847.567	22.627.847.567
	35.532.764.611	35.532.764.611	19.467.895.856	19.338.135.524	35.662.524.943	35.662.524.943
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(15.158.690.433)	(15.158.690.433)	(10.568.852.519)	(14.559.998.473)	(11.167.544.479)	(11.167.544.479)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	20.374.074.178	20.374.074.178			24.494.980.464	24.494.980.464

Phụ lục 03 : VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Stt	Hợp đồng vay	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
(1)	Hợp đồng cấp tín dụng số 214374.24.052.1981005.TD ngày 06/06/2024	12 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp của Công ty	- Hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ phương án được MB cấp tín dụng theo hợp đồng thế chấp; - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội với số dư 2.000.000.000 VND (Thuyết minh 4 - Phụ lục 01)
(2)	Bao gồm: (2.1) Hợp đồng tín dụng số 107.0787/2023/HDTDHM - DN/PGBankTL với Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	12 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C	Tín chấp
(2.2)	Hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH Bé tông và Xây lắp Petrolimex	06 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex bảo lãnh cho Công ty vô điều kiện, không hủy ngang đối với khoản vay
(3)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phố Hiến	06 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh	Các hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông và máy móc thiết bị
(4)	Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	12 tháng	5,5%/ năm	Bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(5)	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Trì	12 tháng	5,5%/ năm	Bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(6)	Bao gồm:				
(6.1)	Hợp đồng vay cá nhân với ông Đặng Thanh Hải	05 năm	8,5%/ năm	Bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(6.2)	Hợp đồng vay cá nhân với ông Nguyễn Thành Trung	60 tháng	8,2%/ năm	Bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(7)	Hợp đồng tín dụng số 107.0525/2021/HDTD- DN/PGBankTL ngày 01/09/2021	84 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Tài trợ bù đắp cho Công ty chi phí đầu vào cho phương án đấu ra thi công công trình: Nhà máy bê tông dự ứng lực, mạ kẽm nhúng nóng và cán thép hình - Petrolimex	Lợi thế quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất tại xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (Thuyết minh 25)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex

Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Phụ lục 03 : VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuế tài chính:

S/tt	Hợp đồng cho thuê tài chính	Bên thuê	Thời hạn thuê	Lãi suất	Tổng giá trị nợ gốc VND	Số dư tại 31/12/2024 VND
(8)	Bao gồm					
(8.1)	Hợp đồng thuê máy móc thiết bị số C230816014 ngày 10/10/2023	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	50 tháng	- Trong 06 kỳ đầu tiên lãi suất là 8,70%/365 ngày - Từ kỳ số 07 trở đi, lãi suất là 9,31%/365 ngày	33.381.669.697 20.975.963.065	22.627.847.567 10.498.863.310
(8.2)	Hợp đồng cho thuê tài chính số C241122915 ngày 21/11/2024	Công ty TNHH Bé tông & Xây lắp Petrolimex (Công ty con của Công ty)	48 tháng	- Trong 06 kỳ đầu tiên lãi suất là 7,90%/365 ngày - Từ kỳ số 07 trở đi, lãi suất là 8,30%/365 ngày	10.450.186.647	10.173.464.272
(8.3)	Hợp đồng cho thuê tài chính số C241134812 ngày 19/12/2024	Công ty TNHH Bé tông & Xây lắp Petrolimex (Công ty con của Công ty)	50 tháng	- Trong 06 kỳ đầu tiên lãi suất là 7,90%/365 ngày - Từ kỳ số 07 trở đi, lãi suất là 8,30%/365 ngày	1.955.519.985	1.955.519.985

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Phụ lục 04 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	(Đã điều chỉnh)					
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	7.012.153	11.256.406.268	18.922.428.805	18.608.830.124	7.012.153	11.570.004.949
- Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu	-	16.354.500	503.911.368	470.396.084	-	49.869.784
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	113.046.244	7.830.399.866	8.137.883.987	7.665.488.544	113.046.244	8.302.795.309
- Thuế Thu nhập cá nhân	21.018.134	869.034.039	4.075.023.045	2.112.514.423	26.207.894	2.836.732.421
- Thuế Tài nguyên	-	400.320	8.283.699	8.281.779	-	402.240
- Tiền sử dụng đất, thuế đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (*)	-	-	9.045.664.151	9.045.664.151	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	15.010.318	15.010.318	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.000	-	1.956.769.932	798.524.601	-	1.158.225.331
	141.096.531	19.972.594.993	42.664.975.305	38.724.710.024	146.266.291	23.918.030.034

(*) Trong đó bao gồm tiền sử dụng đất, thuế đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp liên quan đến Dự án xây dựng khu nhà ở dịch vụ tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội với tổng số tiền là 6.658.778.102 VND (Thuyết minh 11);

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 05 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận		Cộng VND
					chưa phân phối (Đã điều chỉnh) VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	
Số dư đầu năm trước	115.000.000.000	(61.393.691)	1.948.780.816	100.749.508.314	17.205.485.458	9.980.239.977	244.822.620.874
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	17.666.351.686	920.469.913	18.586.821.599
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	5.650.995.416	(19.211.591.873)	(798.431.280)	(14.359.027.737)
Tăng khác	-	-	-	-	8.118.908	-	8.118.908
Số dư cuối năm trước	115.000.000.000	(61.393.691)	1.948.780.816	106.400.503.730	15.668.364.179	10.102.278.610	249.058.533.644
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	25.510.691.833	970.765.799	26.481.457.632
Phân phối lợi nhuận tại các Công ty con (*)	-	-	-	871.754.137	(871.958.330)	(1.148.995.807)	(1.149.200.000)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ (**)	-	-	-	-	(17.250.000.000)	-	(17.250.000.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	300.904.657	-	300.904.657
Số dư cuối năm nay	115.000.000.000	(61.393.691)	1.948.780.816	107.272.257.867	23.358.002.339	9.924.048.602	257.441.695.933

Công ty TNHH Bé tông & Xây lắp Petrolimex, Công ty TNHH Một Thành viên PCC-1 Hà Nội và Công ty TNHH Một Thành viên Gỗ nhựa PCC-1 (các công ty con của Công ty) phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 như sau:

Công ty TNHH Bé tông & Xây lắp Petrolimex	Phân phối lợi nhuận tại Công ty con VND	Lợi ích Công ty mẹ tại Công ty con VND	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát tại Công ty con VND
Công ty TNHH Một Thành viên PCC-1 Hà Nội	17.934.945.203	16.722.554.137	1.212.391.066
Công ty TNHH Một Thành viên Gỗ nhựa PCC-1	1.068.135.557	1.068.135.557	-
Điều chỉnh trên hợp nhất	653.064.938	653.064.938	-
	(17.571.796.302)	(17.571.796.302)	(63.395.259)
	19.656.145.698	871.958.330	1.148.995.807

(**) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/XL1-ĐHĐCĐ-NQ ngày 26 tháng 04 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 là chia cổ tức (15% vốn điều lệ) tương đương 17,25 tỷ VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN XÂY LẮP 1 - PETROLIMEX**



**12. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NĂM
2024**

Hưng Yên, Ngày 28 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY LẬP I - PETROLIMEX

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 42
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex (sau đây được gọi là "Công ty") là doanh nghiệp chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1519/QĐ - TTg ngày 30/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000827 ngày 08/02/2002. Công ty thay đổi mã số doanh nghiệp là 0100108180 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 28/11/2014. Ngày 01/08/2018, Công ty thay đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex theo đăng ký thay đổi lần thứ 17, đăng ký kinh doanh thay đổi mới nhất lần thứ 20 ngày 17/03/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Minh Tâm	Chủ tịch
Ông Trần Công Hữu	Thành viên
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phạm Thành Công	Thành viên
Ông Vũ Duy Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên
Ông Phùng Ngọc Quang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2024)
Ông Trương Hùng Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2024)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Công Hữu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thành Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Duy Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đinh Viết Tiến	Trưởng ban
Bà Lưu Thị Việt Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Hà Nam	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là Ông Phạm Minh Tâm – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ông Trần Công Hữu – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Trần Công Hữu

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

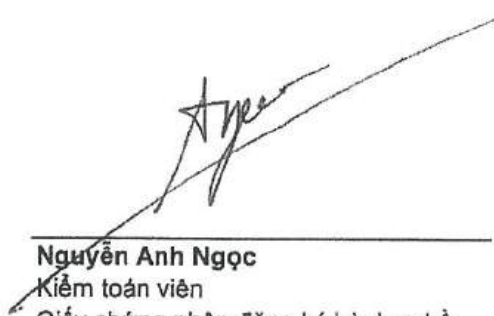
Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 30 tháng 03 năm 2024.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025


Nguyễn Anh Ngọc
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1437-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		476.670.825.033	402.987.636.812
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		55.035.088.592	54.415.408.397
111	1. Tiền	3	55.035.088.592	54.415.408.397
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	8.820.239.748	9.244.106.600
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.820.239.748	9.244.106.600
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		348.725.919.593	231.344.032.307
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	246.684.572.848	169.236.254.317
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	29.376.374.480	41.646.475.734
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	800.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	89.141.874.680	36.917.021.290
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(17.405.783.400)	(16.584.600.019)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		128.880.985	128.880.985
140	IV. Hàng tồn kho	10	63.614.837.847	103.443.628.816
141	1. Hàng tồn kho		63.614.837.847	103.443.628.816
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		474.739.253	4.540.460.692
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	260.298.931	46.047.460
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		190.596.872	4.470.569.782
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	23.843.450	23.843.450
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		528.444.837.006	498.167.222.980
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		14.129.133.108	20.412.721.545
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	13.080.334.955	19.363.923.392
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.048.798.153	1.048.798.153
220	II. Tài sản cố định		38.989.687.402	42.794.957.311
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	25.300.754.640	24.111.763.639
222	- Nguyên giá		158.794.133.185	164.243.551.987
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(133.493.378.545)	(140.131.788.348)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	13.688.932.762	18.683.193.672
225	- Nguyên giá		19.407.749.659	19.407.749.659
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.718.816.897)	(724.555.987)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	-	-
228	- Nguyên giá		120.000.000	120.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(120.000.000)	(120.000.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		310.278.597.522	266.774.175.969
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	310.278.597.522	266.774.175.969
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	163.576.755.710	167.765.685.836
251	1. Đầu tư vào công ty con		178.839.781.364	178.839.781.364
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.500.000.000	2.500.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(17.763.025.654)	(13.574.095.528)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.470.663.264	419.682.319
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	1.470.663.264	419.682.319
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.005.115.662.039	901.154.859.792

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

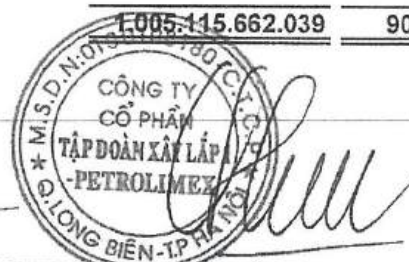
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		790.557.626.853	697.502.811.998
310	I. Nợ ngắn hạn		487.627.650.823	395.706.424.511
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	69.970.040.192	40.066.359.014
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	66.299.466.935	65.539.492.263
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	12.836.526.094	3.954.290.405
314	4. Phải trả người lao động		10.988.641.345	8.117.304.756
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	33.864.991.244	37.701.012.410
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
318	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	4.805.049.194	4.723.498.756
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	21	66.252.352.846	11.591.981.763
320	9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	188.443.790.408	190.578.317.749
321	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	24.472.967.851	20.320.063.879
322	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		9.693.824.714	13.114.103.516
330	II. Nợ dài hạn		302.929.976.030	301.796.387.487
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	22	8.551.695.824	12.561.276.256
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	280.916.419.660	269.040.976.187
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	13.461.860.546	20.194.135.044
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		214.558.035.186	203.652.047.794
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	214.558.035.186	203.652.047.794
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		115.000.000.000	115.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		115.000.000.000	115.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(86.133.791)	(86.133.791)
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.948.780.816	1.948.780.816
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		85.843.393.790	85.843.393.790
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.851.994.371	946.006.979
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		946.006.979	(1.789.924.139)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		10.905.987.392	2.735.931.118
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.005.115.662.039	901.154.859.792



Lê Thị Minh Huệ
Người lập biểu



Lê Huy Thành
Kế toán trưởng



Trần Công Hữu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023
			(Đã điều chỉnh)
			Năm 2024 VND VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	690.670.667.091 406.157.342.234
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		- -
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		690.670.667.091 406.157.342.234
11	4. Giá vốn hàng bán	27	628.567.263.352 359.146.893.565
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		62.103.403.739 47.010.448.669
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	19.410.547.207 15.247.502.945
22	7. Chi phí tài chính	29	21.476.229.809 17.644.039.965
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		17.287.299.683 13.131.930.891
25	8. Chi phí bán hàng	30	6.672.412 138.363.512
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	28.228.900.560 26.283.245.034
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		31.802.148.165 18.192.303.103
31	11. Thu nhập khác	32	763.375.057 822.914.411
32	12. Chi phí khác	33	1.353.479.272 370.817.557
40	13. Lợi nhuận khác		(590.104.215) 452.096.854
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.212.043.950 18.644.399.957
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34	3.052.240.821 2.240.917.538
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		- -
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		28.159.803.129 16.403.482.419


Lê Thị Minh Huệ
Người lập biểu


Lê Huy Thành
Kế toán trưởng



Trần Công Hữu
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		31.212.043.950	18.644.399.957
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		8.419.404.868	4.857.521.286
03	- Các khoản dự phòng		9.163.017.479	14.663.802.824
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(228.196)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(18.168.206.916)	(15.659.341.398)
06	- Chi phí lãi vay		17.287.299.683	13.131.930.891
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		47.913.559.064	35.638.085.364
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(98.997.951.901)	(89.995.944.711)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		39.828.790.969	(30.722.092.701)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		99.498.077.780	42.684.916.061
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(1.265.232.416)	139.578.169
14	- Tiền lãi vay đã trả		(17.017.021.426)	(13.131.930.891)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.561.232.534)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.424.094.539)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		64.974.894.997	(55.387.388.709)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(48.118.556.512)	(15.045.844.512)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	272.727.272
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(23.391.673.000)	(9.206.869.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		23.183.211.041	1.531.762.400
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.158.978.308	11.137.940.694
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(38.168.040.163)	(11.310.283.146)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		212.456.412.459	248.869.467.082
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(217.467.670.743)	(113.876.800.422)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(3.855.543.555)	(6.151.092.178)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.320.372.800)	(11.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.187.174.639)	117.341.574.482
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		619.680.195	50.643.902.627

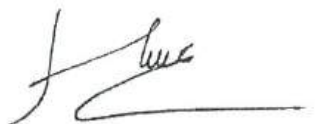
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		54.415.408.397	3.771.277.574
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	228.196
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	55.035.088.592	54.415.408.397



Lê Thị Minh Huệ
Người lập biểu



Lê Huy Thành
Kế toán trưởng



Trần Công Hữu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex (sau đây được gọi là "Công ty") là doanh nghiệp chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1519/QĐ - TTg ngày 30/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000827 ngày 08/02/2002. Công ty thay đổi mã số doanh nghiệp là 0100108180 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 28/11/2014. Ngày 01/08/2018, Công ty thay đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex theo đăng ký thay đổi lần thứ 17, đăng ký kinh doanh thay đổi mới nhất lần thứ 20 ngày 17/03/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 115.000.000.000 VND, tương đương 11.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 133 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 149 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp; gia công chế tạo cơ khí và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Hoạt động xây lắp; Gia công chế tạo sản phẩm cơ khí; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Kinh doanh xăng dầu; Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Kinh doanh bất động sản.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1. Chi nhánh Nghệ An	Quán Bính, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp
2. Chi nhánh Hải Phòng	Số 168, đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Xây lắp
3. Chi nhánh Hưng Yên	Km số 17, quốc lộ 39, thôn Lôi Cầu, xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Xây lắp, gia công cơ khí, kinh doanh xăng dầu
4. Chi nhánh Phía Nam	Số F64 đường số 11, khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	Xây lắp
5. Nhà máy Chế tạo cơ khí Phía Nam	Kho B, Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè, đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 7, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh	Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí
6. Nhà máy Chế tạo bồn bể và Kết cấu thép PCC1	Km số 17, quốc lộ 39, thôn Lôi Cầu, xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí

Thông tin về các công ty con, công ty nhận đầu tư khác của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty;

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho ;
- Ước tính thời gian hữu dụng của tài sản cố định;
- Ước tính thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 06 năm
- Các tài sản khác	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh bất động sản, BCC phân chia sản phẩm.

2.15. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 02 năm;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 02 năm.

2.16. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

2.18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí xây lắp, chi phí lãi tiền vay phải trả,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập từ 3% đến 5% giá trị công trình dựa trên đặc điểm của từng công trình và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.21 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền khách hàng đã trả trước cho nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.22 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.23 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.24 . Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Chi phí hoạt động tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	133.628.312	338.999.984
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54.901.460.280	54.076.408.413
	55.035.088.592	54.415.408.397

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Bên liên quan	48.705.816.746	-	51.743.194.326	-
- Công ty Cổ phần Bãi đỗ xe tự động PCC-1 Nissei Tic	-	-	674.764.479	-
- Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1	4.012.911.490	-	8.379.326.447	-
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội	22.191.232.043	-	24.763.714.811	-
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn	17.997.532.589	-	17.925.388.589	-
- Công ty TNHH Bê tông và Xây lắp - Petrolimex	4.504.140.624	-	-	-
Bên khác	197.978.756.102	(14.910.511.849)	117.493.059.991	(14.370.257.124)
- Công ty Cổ phần PME	27.906.917.238	-	-	-
- Cục Xăng dầu - Tổng cục Hậu cần	30.102.009.929	-	-	-
- Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	10.535.027.024	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec)	9.631.591.368	-	-	-
- Công ty Cổ phần Vimeco	15.939.248.071	-	2.814.452.975	-
- Công ty TNHH Xây dựng Chitchareune	13.292.650.835	-	13.292.650.835	-
- Công ty TNHH Đầu tư phát triển xây dựng Đức Tâm	7.161.616.380	-	10.727.299.324	-
- Các khách hàng khác	83.409.695.257	(14.910.511.849)	90.658.656.857	(14.370.257.124)
	246.684.572.848	(14.910.511.849)	169.236.254.317	(14.370.257.124)
Dài hạn				
Bên liên quan	13.080.334.955	-	19.363.923.392	-
- Công ty TNHH Bê tông và Xây lắp - Petrolimex	13.080.334.955	-	19.363.923.392	-
	13.080.334.955	-	19.363.923.392	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	19.774.407	-	3.340.942.132	-
- Công ty Cổ phần Bãi đỗ xe tự động PCC-1 Nissei Tic	-	-	1.456.653.268	-
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn	19.774.407	-	1.884.288.864	-
Bên khác	29.356.600.073	(2.495.271.551)	38.305.533.602	(2.214.342.895)
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Tuấn Linh	-	-	3.533.252.250	-
- Công ty TNHH Việt Dân	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Công ty TNHH Thiết bị đường ống Xinfengda	1.802.675.072	-	2.905.626.151	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ và Dịch vụ tự động hóa	6.865.663.527	-	3.520.115.975	-
- Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ trắc địa Việt Nam	4.120.800.000	-	4.120.800.000	-
- Công ty TNHH MTV Trương Tuấn Dũng	1.261.418.630	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác	14.306.042.844	(2.495.271.551)	23.225.739.226	(2.214.342.895)
	29.376.374.480	(2.495.271.551)	41.646.475.734	(2.214.342.895)

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2024	Trong năm		01/01/2024
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn	-	1.800.000.000	1.000.000.000	800.000.000
	-	1.800.000.000	1.000.000.000	800.000.000

Khoản cho vay với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 5%/năm. Hình thức đảm bảo khoản cho vay là tín chấp.

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
<i>Bên liên quan</i>	18.550.163.919	-	10.627.163.424	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.773.000.495	-	-	-
- Lợi nhuận từ Quỹ ĐPTT được chia của Công ty TNHH Bê tông và Xây lắp Petrolimex	10.013.925.241	-	10.013.925.241	-
- Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1	763.238.183	-	613.238.183	-
<i>Bên khác</i>	70.591.710.761	-	26.289.857.866	-
- Bảo hiểm phải thu người lao động	4.410.724.959	-	4.632.842.053	-
- Tạm ứng	6.561.386.213	-	9.252.870.431	-
- Ký cược, ký quỹ	3.098.608.730	-	4.349.783.980	-
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	68.556.924	-	-	-
- Các khoản chi hộ thầu phụ (*)	53.597.620.789	-	4.002.647.638	-
- Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	717.357.484	-	1.067.861.449	-
- Phải thu khác	2.137.455.662	-	2.983.852.315	-
	89.141.874.680	-	36.917.021.290	-
Dài hạn				
<i>Bên khác</i>	1.048.798.153	-	1.048.798.153	-
- Ký cược, ký quỹ	1.048.798.153	-	1.048.798.153	-
	1.048.798.153	-	1.048.798.153	-

(*) Các khoản chi hộ cho các thầu phụ của đối tác là Công ty Cổ phần PME theo hợp đồng liên danh, được sử dụng từ khoản nhận hộ đối tác này (Thuyết minh 21).

9 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	15.323.481.636	412.969.787	15.012.654.988	642.397.864
- Trường Cao đẳng Du lịch và Thương mại	2.405.649.443	-	2.405.649.443	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải	2.788.454.213	-	2.788.454.213	-

9 . NỢ XẤU (tiếp theo)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
- Petrolimex (Laos) SOLE Co., Ltd	1.670.802.120	10.157.577	1.660.644.543	-
- Công ty CP Máy - Thiết bị dầu khí	2.789.092.560	-	2.789.092.560	-
- Xí nghiệp Xây lắp 33 - Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	2.830.180.000	-	2.830.180.000	-
- Các khách hàng khác	2.839.303.300	402.812.210	2.538.634.229	642.397.864
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.762.910.706	267.639.155	2.401.876.686	187.533.791
- Công ty TNHH MTV Anh Đức	153.698.642	-	153.698.642	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng CIP	130.000.000	-	130.000.000	-
- Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp Thiên Trường	379.760.000	-	379.760.000	-
- Công ty TNHH Cửa Việt Đại An	187.828.212	-	187.828.212	42.747.148
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển xây dựng Phúc Thành	100.000.000	-	100.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	1.811.623.852	267.639.155	1.450.589.832	144.786.643
	18.086.392.342	680.608.942	17.414.531.674	829.931.655

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	7.877.130.270	-	25.604.549.892	-
- Công cụ, dụng cụ	525.096.627	-	864.604.292	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	54.950.760.156	-	76.394.704.141	-
- Hàng hóa	261.850.794	-	579.770.491	-
	63.614.837.847	-	103.443.628.816	-

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự án Khu nhà ở dịch vụ xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm (*)	308.182.591.267	264.976.468.297
- Các công trình sửa chữa và xây dựng khác	2.096.006.255	1.797.707.672
	310.278.597.522	266.774.175.969

(*) Dự án Xây dựng Khu nhà ở dịch vụ xã cổ Bi, huyện Gia Lâm được thực hiện theo Giấy chứng nhận đầu tư và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội do Công ty làm chủ đầu tư với tổng vốn đầu tư 541 tỷ VND. Tổng diện tích thực hiện dự án là 32.494 m².

- Tiến độ thực hiện dự án:

+ Giai đoạn chuẩn bị đầu tư (hoàn thiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, đất đai,...): Từ quý III/2021 đến quý IV/2021;

+ Giai đoạn thực hiện đầu tư: Từ quý I/2022 đến quý IV/2024;

+ Giai đoạn kết thúc đầu tư và đưa vào sử dụng: Từ quý IV/2024 đến Quý I/2025.

- Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đến ngày 31/12/2024, dự án đã hoàn thành cơ bản các hạng mục hạ tầng như hệ thống đường, hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng, cảnh quan, cây xanh,... và đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để mở bán dự án.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 02.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	14.415.333.292	4.992.416.367	19.407.749.659
Số dư cuối năm	14.415.333.292	4.992.416.367	19.407.749.659
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	538.172.443	186.383.544	724.555.987
- Khấu hao trong năm	3.709.545.765	1.284.715.145	4.994.260.910
Số dư cuối năm	4.247.718.208	1.471.098.689	5.718.816.897
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	13.877.160.849	4.806.032.823	18.683.193.672
Tại ngày cuối năm	10.167.615.084	3.521.317.678	13.688.932.762

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán có giá trị là 120.000.000 VND, đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	253.645.877	6.189.016
- Các khoản khác	6.653.054	39.858.444
	260.298.931	46.047.460

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.354.153.982	308.061.641
- Phí bảo hiểm tài sản	84.285.002	111.620.678
- Các khoản khác	32.224.280	-
	1.470.663.264	419.682.319

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 03.

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có	Giá trị	Số có
	VND	khả năng trả nợ	VND	khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	13.928.178.129	13.928.178.129	9.646.956.777	9.646.956.777
- Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1	352.624.889	352.624.889	-	-
- Công ty Cổ phần Bãi đỗ xe tự động PCC-1 Nissei Tic	2.059.254.220	2.059.254.220	-	-
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội	-	-	2.107.457.497	2.107.457.497
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Chế tạo bồn bể - Ông công nghệ và kết cấu thép	11.516.299.020	11.516.299.020	7.539.499.280	7.539.499.280
Bên khác	56.041.862.063	56.041.862.063	30.419.402.237	30.419.402.237
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng và thương mại Sài Gòn	3.016.005.306	3.016.005.306	-	-
- Công ty Cổ phần PME	9.456.416.333	9.456.416.333	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển đầu tư và xây dựng Long Giang 3B	3.921.391.563	3.921.391.563	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và thương mại Minh Ngọc	3.753.408.600	3.753.408.600	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Tuấn Linh	1.885.898.300	1.885.898.300	3.533.252.250	3.533.252.250
- Các nhà cung cấp khác	34.008.741.961	34.008.741.961	26.886.149.987	26.886.149.987
	69.970.040.192	69.970.040.192	40.066.359.014	40.066.359.014

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc Tế	13.621.500.000	11.594.404.239
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đất Việt (*)	43.530.732.000	-
- Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Nam Sách	2.151.164.000	-
- Quân chủng Hải quân	4.412.987.000	12.280.830.000
- Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	-	23.817.839.793
- Các khách hàng khác	2.583.083.935	17.846.418.231
	66.299.466.935	65.539.492.263

(*) Khoản trả trước theo tiến độ của các hợp đồng mua bán bất động sản liên quan đến Dự án Khu nhà ở dịch vụ xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm.

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 04.

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	284.134.421	13.856.164
- Trích trước chi phí công trình	33.580.856.823	37.687.156.246
	33.864.991.244	37.701.012.410

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	5.179.441.340	7.013.402.646
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	405.511.155	475.883.955
- Phải trả tiền nhận hộ thầu phụ (*)	55.725.947.337	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.931.453.014	4.092.695.162
	66.252.352.846	11.591.981.763
Dài hạn		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vitec - Phải trả về hợp tác kinh doanh (**)	280.916.419.660	269.040.976.187
	280.916.419.660	269.040.976.187

(*) Khoản phải trả Công ty Cổ phần PME do nhận hộ tiền thanh toán từ chủ đầu tư theo hợp đồng liên danh và được dùng để chi trả hộ cho các thầu phụ của đối tác này (Thuyết minh 8).

(**) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Vitec góp vốn liên quan tới Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và đối tác này về việc đầu tư thực hiện Dự án "Xây dựng khu nhà ở dịch vụ xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội" (Thuyết minh 11).

Theo hợp đồng này, Công ty là chủ đầu tư thực hiện Dự án, Công ty Cổ phần Tập đoàn Vitec góp vốn với Công ty để đầu tư, xây dựng và khai thác, kinh doanh Dự án. Lợi nhuận được phân chia cố định cho Công ty theo sản phẩm hình thành của Dự án.

22 .DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 (Đã điều chỉnh) VND
Ngắn hạn		
- Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên - Cho thuê cửa hàng xăng dầu	800.000.000	800.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Thuê văn phòng	747.735.740	713.918.326
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội - Doanh thu cho thuê tài chính	3.209.580.430	3.209.580.430
- Các khách hàng khác	47.733.024	-
	4.805.049.194	4.723.498.756
Dài hạn		
- Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên - Cho thuê cửa hàng xăng dầu	2.400.000.000	3.200.000.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội - Doanh thu cho thuê tài chính	6.151.695.824	9.361.276.256
	8.551.695.824	12.561.276.256

23 .DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	24.472.967.851	20.320.063.879
	24.472.967.851	20.320.063.879

24 .VỐN CHỦ SỞ HỮU

Xem chi tiết Phụ lục 05.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND	Tỷ lệ %
- Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	34.502.020.000	30,00	34.502.020.000	30,00
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	11.500.660.000	10,00	11.500.660.000	10,00
- Ông Phạm Minh Tâm	12.000.000.000	10,43	12.000.000.000	10,43
- Các cổ đông khác	56.997.320.000	49,57	56.997.320.000	49,57
	115.000.000.000	100,00	115.000.000.000	100,00

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	115.000.000.000	115.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	115.000.000.000	115.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	475.883.955	11.705.102.660
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	17.250.000.000	11.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	17.250.000.000	11.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(17.320.372.800)	(22.729.218.705)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(17.320.372.800)	(22.729.218.705)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	405.511.155	475.883.955

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	11.500.000	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.500.000	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e. Các quỹ của công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	85.843.393.790	85.843.393.790

25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội và tỉnh Hưng Yên như sau:

Vị trí	Diện tích	Mục đích thuê	Thời hạn thuê	Tiền thuê
Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên	17.144 m2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	50 năm từ ngày 01/01/2004	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội	560 m2	Làm văn phòng	50 năm từ ngày 01/01/1996	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

Ngoại tệ các loại

	Ký hiệu	31/12/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ	USD	136,37	160,49
- Đồng tiền chung Châu Âu (Euro)	EUR	100,56	100,56
- Đô la Singapore	SGD	119,95	-
- Đô la Canada	CAD	97,70	-

26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	14.911.679.345	23.454.571.790
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.522.780.688	19.844.692.092
Doanh thu hợp đồng xây dựng	661.236.207.058	362.858.078.352
	690.670.667.091	406.157.342.234
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)	53.173.075.063	90.964.899.628

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.239.830.105	22.041.365.765
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.792.952.728	10.196.405.143
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	608.534.480.519	326.909.122.657
	628.567.263.352	359.146.893.565

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	596.206.421	201.171.534
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.572.000.495	15.046.103.215
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	-	228.196
Lãi phạt chậm thanh toán	1.242.340.291	-
	19.410.547.207	15.247.502.945
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)	18.814.340.786	15.046.103.215

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.287.299.683	13.131.930.891
Dự phòng tổn thất đầu tư	4.188.930.126	4.374.763.964
Lãi chậm trả cổ tức	-	137.345.110
	21.476.229.809	17.644.039.965

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.800.000	118.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.872.412	16.888.712
Chi phí khác bằng tiền	-	2.724.800
	6.672.412	138.363.512

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	966.174.867	1.042.013.588
Chi phí nhân công	18.532.144.710	17.445.175.178
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	379.939.290	360.434.288
Chi phí khấu hao tài sản cố định	257.561.159	989.391.534
Thuế, phí, và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	821.183.381	526.009.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.613.111.396	1.884.401.822
Chi phí khác bằng tiền	5.655.785.757	4.032.818.647
	28.228.900.560	26.283.245.034

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	392.318.186	272.727.272
Tiền phạt thu được	-	183.752.486
Xử lý công nợ không phải trả	366.231.871	-
Thu nhập khác	4.825.000	366.434.653
	763.375.057	822.914.411

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Phạt vi phạm hợp đồng	-	237.530.697
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.352.360.652	73.093.403
Chi phí khác	1.118.620	60.193.457
	1.353.479.272	370.817.557

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	31.212.043.950	18.644.399.957
Các khoản điều chỉnh tăng	1.621.160.652	7.606.290.949
- Khấu hao xe ô tô vượt 1,6 tỷ VND	-	750.586.667
- Chi phí phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	1.352.360.652	77.087.143
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	2.136.584.233
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT	268.800.000	260.400.000
- Chi phí không hợp lệ	-	4.381.632.906
Các khoản điều chỉnh giảm	(17.572.000.495)	(15.046.103.215)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(17.572.000.495)	(15.046.103.215)
Thu nhập chịu thuế TNDN	15.261.204.107	11.204.587.691
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	3.052.240.821	2.240.917.538
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.900.632.523	659.714.985
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.561.232.534)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	4.391.640.810	2.900.632.523

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	320.669.450.765	250.438.347.236
Chi phí nhân công	71.105.840.931	31.444.412.477
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.419.404.868	4.857.521.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	212.861.828.735	97.247.029.438
Chi phí khác bằng tiền	15.241.353.554	4.561.828.624
	628.297.878.853	388.549.139.061

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Trên 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2024	
Đầu tư dài hạn	1.125.000.000
	1.125.000.000
Tại ngày 01/01/2024	
Đầu tư dài hạn	1.450.000.000
	1.450.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.901.460.280	-	54.901.460.280
Phải thu khách hàng, phải thu khác	320.915.935.679	14.129.133.108	335.045.068.787
Các khoản cho vay	8.820.239.748	-	8.820.239.748
	384.637.635.707	14.129.133.108	398.766.768.815
Tại ngày 01/01/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.076.408.413	-	54.076.408.413
Phải thu khách hàng, phải thu khác	191.783.018.483	20.412.721.545	212.195.740.028
Các khoản cho vay	9.244.106.600	-	9.244.106.600
	255.103.533.496	20.412.721.545	275.516.255.041

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024			
Vay và nợ	188.443.790.408	13.461.860.546	201.905.650.954
Phải trả người bán, phải trả khác	136.222.393.038	280.916.419.660	417.138.812.698
Chi phí phải trả	33.864.991.244	-	33.864.991.244
	358.531.174.690	294.378.280.206	652.909.454.896
Tại ngày 01/01/2024			
Vay và nợ	190.578.317.749	20.194.135.044	210.772.452.793
Phải trả người bán, phải trả khác	51.658.340.777	269.040.976.187	320.699.316.964
Chi phí phải trả	37.701.012.410	-	37.701.012.410
	279.937.670.936	289.235.111.231	569.172.782.167

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	212.456.412.459	242.718.374.904
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	221.323.214.298	114.882.061.400

38 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

39 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Bê tông & Xây lắp Petrolimex	Công ty con
Công ty Cổ phần Bãi đỗ xe tự động PCC-1 NISSEI TIC	Công ty con
Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn	Công ty con
Công ty TNHH MTV PCC-1 Chế tạo bồn bể - Ống công nghệ & Kết cấu thép	Công ty con
Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1	Công ty con
Công ty Cổ phần PCC-1 Homes	Công ty con
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty TNHH Bê tông & Xây lắp Petrolimex		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.836.740.265	17.183.446.278
- Mua hàng hóa dịch vụ	5.010.022.500	10.585.702.206
- Lợi nhuận được chia	15.850.800.000	10.256.400.000
- Lãi phạt chậm trả	1.242.340.291	-
Công ty Cổ phần Bãi đỗ xe tự động PCC-1 NISSEI TIC		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	391.045.556	984.385.893
- Mua hàng hóa dịch vụ	10.665.825.368	4.740.018.701
Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.104.351.730	58.357.842.398
- Mua hàng hóa dịch vụ	631.976.746	1.786.864.755
- Lợi nhuận được chia	1.068.135.557	3.645.898.095

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch phát sinh trong năm: (tiếp theo)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.800.000	678.007.077
- Mua hàng hóa dịch vụ	28.191.733.742	15.175.087.627
Công ty TNHH MTV PCC-1 Chế tạo bồn bể - Ông công nghệ & Kết cấu thép		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.334.538.338	883.289.215
- Mua hàng hóa dịch vụ	16.782.729.109	24.268.003.063
Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.439.599.174	12.877.928.767
- Mua hàng hóa dịch vụ	3.926.181.980	2.664.503.360
- Lợi nhuận được chia	653.064.938	1.143.805.120

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	4.812.634.429	4.994.304.632
- Ông Phạm Minh Tâm	995.046.811	932.018.729
- Bà Nguyễn Thị Hương Giang	134.400.000	226.800.000
- Ông Phùng Ngọc Quang	89.600.000	-
- Ông Trương Hùng Sơn	44.800.000	226.800.000
- Ông Trần Công Hữu	824.325.542	842.515.703
- Ông Lê Quốc Bình	134.400.000	226.800.000
- Ông Phạm Thành Công	624.862.300	679.545.153
- Ông Vũ Duy Hải	700.154.628	729.192.606
- Bà Phạm Thị Kim Chi	517.580.793	477.296.036
- Ông Đinh Viết Tiến	132.672.908	166.578.322
- Bà Lưu Thị Việt Hương	248.997.248	177.413.686
- Ông Nguyễn Hà Nam	365.794.199	309.344.397

Ngoài giao dịch với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán.

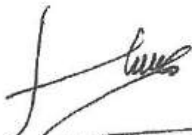
40 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 theo Quyết định số 10271/QĐ-CTHN-TTKT7-XPVPHC ngày 28/02/2025 của Cục thuế Thành phố Hà Nội. Theo đó một số chỉ tiêu được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán riêng					
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	14.084.775.012	4.723.498.756	(9.361.276.256)	(1)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.254.826.628	3.954.290.405	2.699.463.777	(2)
- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	3.200.000.000	12.561.276.256	9.361.276.256	(1)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	-	(1.789.924.139)	(1.789.924.139)	(2)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	3.645.470.756	2.735.931.118	(909.539.638)	(2)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng					
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.331.377.900	2.240.917.538	909.539.638	(2)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	52	17.313.022.057	16.403.482.419	(909.539.638)	(2)

(1) Phân loại lại doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn - dài hạn.

(2) Ghi nhận bổ sung thuế TNDN và thuế GTGT theo Quyết định của cơ quan thuế.



Lê Thị Minh Huệ
Người lập biểu



Lê Huy Thành
Kế toán trưởng




Trần Công Hữu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Phụ lục 01: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	8.820.239.748	-	9.244.106.600	-
	8.820.239.748	-	9.244.106.600	-

Tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 1,8% đến 4,7%/năm. Số dư tiền gửi có kỳ hạn được thế chấp đảm bảo khoản vay tại ngân hàng là 2.000.000.000 VND (Thuyết minh số 16 - Phụ lục 3 - Sít 1).

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Mã CK	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con (*)		178.839.781.364	(16.388.025.654)	178.839.781.364
- Công ty TNHH Bê tông & Xây lắp Petrolimex		41.958.540.511	-	41.958.540.511
- Công ty Cổ phần Bãi đỗ xe tự động PCC-1 NISSEI TIC		3.274.200.000	(979.270.917)	3.274.200.000
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội		3.000.000.000	-	3.000.000.000
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn		38.024.599.767	(8.396.270.836)	38.024.599.767
- Công ty TNHH MTV PCC-1 Chế tạo bồn bê - Ống công nghệ & Kết cấu thép		44.582.441.086	(7.012.483.901)	44.582.441.086
- Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1		45.000.000.000	-	45.000.000.000
- Công ty Cổ phần PCC-1 Homes		3.000.000.000	-	3.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		2.500.000.000	1.125.000.000	(1.375.000.000)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (**)	PLA	2.500.000.000	1.125.000.000	(1.375.000.000)
		181.339.781.364	1.125.000.000	(17.763.025.654)
		181.339.781.364	181.339.781.364	1.450.000.000
				(13.574.095.528)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa chứng khoán này UPCOM tại ngày 29/12/2023 và 31/12/2024.

Phụ lục 01: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Bé tông & Xây lắp Petrolimex	Hưng Yên	93,24%	93,24%	Sản xuất bê tông thương phẩm
Công ty Cổ phần Bãi đỗ xe tự động PCC-1 NISSEI TIC	Hà Nội	51,00%	51,00%	Nhập khẩu, sản xuất lắp đặt hệ thống, thiết bị bãi đỗ xe tự động
Công ty TNHH MTV PCC-1 Hà Nội	Hà Nội	100,00%	100,00%	Hoạt động xây lắp, gia công cơ khí
Công ty TNHH MTV PCC-1 Sài Gòn	Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Hoạt động xây lắp, gia công cơ khí
Công ty TNHH MTV PCC-1 Chế tạo bồn bể - Ống công nghệ & Kết cấu thép	Hưng Yên	100,00%	100,00%	Gia công cơ khí, chế tạo bồn bể
Công ty TNHH MTV Gỗ nhựa PCC-1	Hưng Yên	100,00%	100,00%	Sản xuất đồ gỗ xây dựng, bao bì bằng gỗ, các sản phẩm từ plastic
Công ty Cổ phần PCC-1 Homes	Hà Nội	60,00%	60,00%	Kinh doanh bất động sản

Thông tin chi tiết về công ty nhận đầu tư của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	Hà Nội	2,50%	2,50%	Kinh doanh và cho thuê hạ tầng xăng dầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex
Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Phụ lục 02 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	40.101.305.046	52.858.121.965	69.689.770.779	1.121.974.235	472.379.962	164.243.551.987
- Mua trong năm	-	4.614.134.959	-	-	-	4.614.134.959
- Thanh lý, nhượng bán	(1.562.370.793)	(5.269.722.323)	(2.886.005.682)	(345.454.963)	-	(10.063.553.761)
Số dư cuối năm	38.538.934.253	52.202.534.601	66.803.765.097	776.519.272	472.379.962	158.794.133.185
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	22.666.392.799	46.904.748.208	68.987.772.537	1.100.494.842	472.379.962	140.131.788.348
- Khấu hao trong năm	1.200.923.601	1.938.424.328	264.316.636	21.479.393	-	3.425.143.958
- Thanh lý, nhượng bán	(1.729.616.123)	(5.102.476.993)	(2.886.005.682)	(345.454.963)	-	(10.063.553.761)
Số dư cuối năm	22.137.700.277	43.740.695.543	66.366.083.491	776.519.272	472.379.962	133.493.378.545
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	17.434.912.247	5.953.373.757	701.998.242	21.479.393	-	24.111.763.639
Tại ngày cuối năm	16.401.233.976	8.461.839.058	437.681.606	-	-	25.300.754.640

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 113.375.255.141 VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex

Số (550+552) Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Phụ lục 03 : VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2024				Trong năm				31/12/2024	
	Số có khả năng trả nợ		Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị		Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND	VND	VND			VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn										
Vay ngắn hạn										
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	182.378.150.821	182.378.150.821	212.456.412.459	213.722.453.012	3.606.158.095	3.606.158.095	181.112.110.268	181.112.110.268	181.112.110.268	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.278.681.220	5.278.681.220	-	5.278.681.220	-	5.278.681.220	-	-	-	-
Chi nhánh Chương Dương										
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Lý Nam Đế	48.271.393.473	48.271.393.473	70.749.976.334	76.759.412.844			42.261.956.963	42.261.956.963	42.261.956.963	
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và phát triển Chi nhánh Thăng Long	128.828.076.128	128.828.076.128	138.100.278.030	128.078.200.853			138.850.153.305	138.850.153.305	138.850.153.305	
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả										
- Ông Đặng Thanh Hải	4.411.908.000	4.411.908.000	3.078.437.731	3.745.217.731	999.999.996	999.999.996	3.745.128.000	3.745.128.000	3.745.128.000	
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và phát triển Chi nhánh Thăng Long	1.000.000.000	1.000.000.000	2.078.437.735	2.745.217.735			2.745.128.000	2.745.128.000	2.745.128.000	
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả										
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	3.788.258.928	3.788.258.928	3.653.836.767	3.855.543.555	3.653.836.767	3.855.543.555	3.586.552.140	3.586.552.140	3.586.552.140	
	190.578.317.749	190.578.317.749	219.188.686.957	221.323.214.298			188.443.790.408	188.443.790.408	188.443.790.408	
b. Vay dài hạn										
Vay dài hạn										
- Ông Đặng Thanh Hải	14.039.895.107	14.039.895.107	-	3.745.217.731	-	3.745.217.731	10.294.677.376	10.294.677.376	10.294.677.376	
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và phát triển Chi nhánh Thăng Long	3.500.000.004	3.500.000.004	-	999.999.996	-	999.999.996	2.500.000.008	2.500.000.008	2.500.000.008	
	10.539.895.103	10.539.895.103	-	2.745.217.735	-	2.745.217.735	7.794.677.368	7.794.677.368	7.794.677.368	
Nợ thuế tài chính dài hạn										
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	14.354.406.865	14.354.406.865	-	3.855.543.555	-	3.855.543.555	10.498.863.310	10.498.863.310	10.498.863.310	
	14.354.406.865	14.354.406.865	-	3.855.543.555	-	3.855.543.555	10.498.863.310	10.498.863.310	10.498.863.310	
	28.394.301.972	28.394.301.972	-	7.600.761.286	-	7.600.761.286	20.793.540.686	20.793.540.686	20.793.540.686	
	(8.200.166.928)	(8.200.166.928)	(6.732.274.498)	(7.600.761.286)			(7.331.680.140)	(7.331.680.140)	(7.331.680.140)	
	20.194.135.044	20.194.135.044					13.461.860.546	13.461.860.546	13.461.860.546	

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

Phụ lục 03 : VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Stt	Hợp đồng vay	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
(1)	Hợp đồng cấp tín dụng số 214374.24.052.1981005.TD ngày 06/06/2024	12 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp của Công ty	- Hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ phương án được MB cấp tín dụng theo hợp đồng thế chấp; - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội với số dư 2.000.000.000 VND (Thuyết minh 4 - Phụ lục 01)
(2)	Hợp đồng tín dụng số 107.0787/2023/HDTDHM - DN/PGBankTL ngày 21/11/2023	12 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C	Tín chấp
(3)	Hợp đồng tín dụng số 107.0525/2021/HDTD-DN/PGBankTL ngày 01/09/2021	84 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Tài trợ bù đắp cho Công ty chi phí đầu vào cho phương án đầu ra thi công công trình: Nhà máy bê tông dự ứng lực, mạ kẽm nhúng nóng và cán thép hình - Petrolimex	Lợi thế quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất tại xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (Thuyết minh 25)
(4)	Hợp đồng vay cá nhân ngày 12/06/2022 và phụ lục đính kèm	5 năm	8,5%/ năm	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	Tín chấp

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản nợ thuê tài chính:

Stt	Hợp đồng cho thuê tài chính	Thời hạn thuê	Lãi suất	Loại tài sản	Tổng giá trị nợ gốc	Số dư tại 31/12/2024
(5)	Số C230816014 ngày 10/10/2023	50 tháng	- Trong 06 kỳ đầu tiên lãi suất là 8,70%/365 ngày - Từ kỳ số 07 trở đi, lãi suất là 9,31%/365 ngày	Máy móc thiết bị	VND 20.975.963.065	VND 10.498.863.310

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Phụ lục 04 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	(Đã điều chỉnh)					
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	7.012.153	580.615.901	10.297.829.301	5.901.914.367	7.012.153	4.976.530.835
- Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu	-	16.354.500	413.391.093	379.875.809	-	49.869.784
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.900.632.523	3.052.240.821	1.561.232.534	-	4.391.640.810
- Thuế Thu nhập cá nhân	16.831.297	456.687.481	3.284.375.932	1.475.225.864	16.831.297	2.265.837.549
- Tiền sử dụng đất, thuế đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (*)	-	-	9.045.664.151	9.045.664.151	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	8.010.318	8.010.318	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.152.647.116	-	-	1.152.647.116
	23.843.450	3.954.290.405	27.254.158.732	18.371.923.043	23.843.450	12.836.526.094

(*) Trong đó bao gồm tiền sử dụng đất, thuế đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp liên quan đến Dự án xây dựng khu nhà ở dịch vụ tại xã Cổ Bì, huyện Gia Lâm, Hà Nội với tổng số tiền là 6.658.778.102 VND (Thuyết minh 11);

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 05 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối (Đã điều chỉnh) VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	115.000.000.000	(86.133.791)	1.948.780.816	84.547.754.673	(1.462.065.843)	199.948.335.855
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	16.403.482.419	16.403.482.419
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.295.639.117	(13.995.409.597)	(12.699.770.480)
Số dư cuối năm trước	115.000.000.000	(86.133.791)	1.948.780.816	85.843.393.790	946.006.979	203.652.047.794
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	28.159.803.129	28.159.803.129
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(17.250.000.000)	(17.250.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(3.815.737)	(3.815.737)
Số dư cuối năm nay	115.000.000.000	(86.133.791)	1.948.780.816	85.843.393.790	11.851.994.371	214.558.035.186

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/XL1-ĐHĐCĐ-NQ ngày 26 tháng 04 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 là chia cổ tức (15% vốn điều lệ) tương đương 17,25 tỷ VND.



